

ĐỀ 1	ĐỀ THI HỌC KỲ 2 Môn Địa Lí 12 <i>Thời gian: 45 phút</i>
-------------	---

Câu 1: Quan sát bảng số liệu sau: Dân số Liên Bang Nga qua các năm (Triệu người)

Năm	1991	1995	1999	2005
Dân số	148,3	147,8	146,3	143

Nhận xét nào sau đây chưa chính xác

- A. Tuổi thọ của người dân được nâng cao
B. Số trẻ em sinh ra nhiều
C. Liên Bang Nga có dân số già
D. Dân số Liên Bang Nga có xu hướng giảm

Câu 2: Cho bảng số liệu sau:

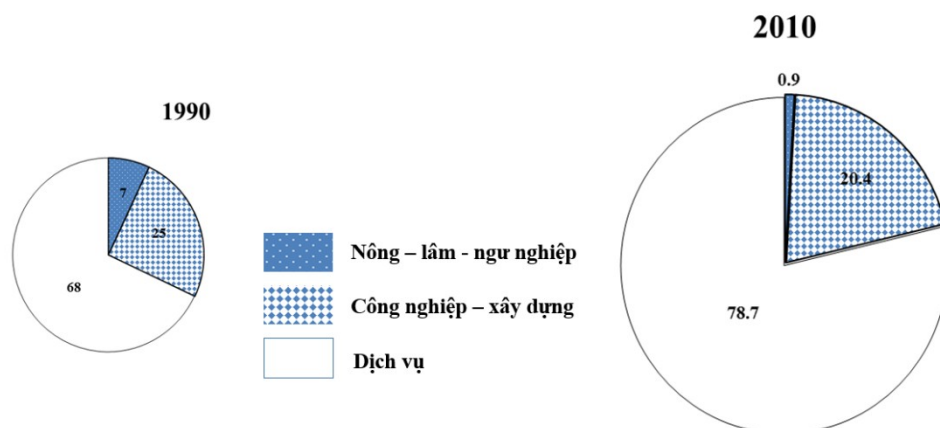
Quy mô và cơ cấu lao động đang làm việc ở nước ta năm 2005 và 2014

Năm	2005	2014
Tổng số (nghìn người)	42 774,9	52 744,5
Nông, lâm, thủy sản (%)	55,1	46,3
Công nghiệp - xây dựng (%)	17,6	21,4
Dịch vụ (%)	27,3	32,3

Để thể hiện quy mô và cơ cấu lao động đang làm việc ở nước ta qua hai năm 2005 và 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Cột chồng. C. Tròn. D. Kết hợp.

Câu 3: Cho biểu đồ: Cơ cấu GDP của Hoa Kỳ phân theo khu vực kinh tế năm 1990, 2010.



Nhận xét nào sau đây là đúng về sự chuyển dịch cơ cấu GDP của Hoa Kỳ giai đoạn 1990-2010?

- A. Giảm tỉ trọng nông – lâm - ngư nghiệp; tăng tỉ trọng công nghiệp - xây dựng; giảm tỉ trọng dịch vụ.
B. Tăng tỉ trọng nông – lâm - ngư nghiệp; giảm tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.
C. Giảm tỉ trọng nông – lâm - ngư nghiệp; tăng tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.
D. Giảm tỉ trọng nông – lâm - ngư nghiệp; giảm tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và tăng tỉ trọng dịch vụ.

vụ.

Câu 4: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, theo lát cắt A – B, địa hình thấp dần theo chiều nào ?

- A. Đông Bắc – Tây Nam. B. Tây Nam – Đông Bắc.
C. Đông Nam – Tây Bắc. D. Tây Bắc – Đông Nam.

Câu 5: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, ngành công nghiệp có mặt ở cả 4 trung tâm công nghiệp của Bắc Trung Bộ là

- A. chế biến lương thực B. chế biến lâm sản. C. vật liệu xây dựng. D. cơ khí.

Câu 6: Đặc điểm nổi bật về dân cư – lao động của Đồng bằng sông Hồng là

- A. dân số đông nhất cả nước, nguồn lao động dồi dào.
B. dân số trẻ, gia tăng nhanh.
C. lao động có trình độ cao nhất cả nước, phân bố không đều.

D. lao động tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn, có trình độ sản xuất.

Câu 7: Biển Đông là vùng biển lớn nằm ở phía

- A. Phía Bắc của Xin-ga-po và phía Nam Malaysia.
- B. Nam Trung Quốc và Tây Nam Đài Loan.
- C. Phía Tây Phi-líp-pin và phía Tây của Việt Nam.
- D. Phía Đông Việt Nam và Tây Philippin.

Câu 8: Biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. phát triển mô hình kinh tế trang trại.
- B. thay đổi giống cây trồng, mở rộng diện tích.
- C. nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, mở rộng diện tích cây công nghiệp.
- D. xây dựng cơ sở công nghiệp chế biến gắn với vùng chuyên canh.

Câu 9: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, thảm thực vật ở Trung du miền núi Bắc bộ chiếm diện tích lớn nhất là

- A. rừng trồng
- B. rừng thưa.
- C. rừng cỏ, cây bụi.
- D. rừng kín thường xanh

Câu 10: Cơ cấu giá trị sản xuất thủy sản ở nước ta trong một số năm qua có sự chuyển dịch theo hướng

- A. tỉ trọng khai thác và nuôi trồng luôn ổn định
- B. tỉ trọng khai thác và nuôi trồng biến động thất thường
- C. giảm tỉ trọng khai thác, tăng tỉ trọng nuôi trồng
- D. tăng tỉ trọng khai thác, giảm tỉ trọng nuôi trồng

Câu 11: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cửa khẩu quốc tế nào của nước ta vừa trên đất liền, vừa giáp biển?

- A. Móng Cái, Xà Xía.
- B. Móng Cái, Hữu Nghị.
- C. Móng Cái, Nậm Cắn.
- D. Móng Cái, Mộc Bài

Câu 12: Phương hướng trước tiên làm cho lực lượng lao động trẻ ở nước ta sớm trở thành một nguồn lao động có chất lượng là

- A. có kế hoạch giáo dục và đào tạo hợp lí.
- B. tổ chức hướng nghiệp chu đáo.
- C. lập nhiều cơ sở giới thiệu việc làm.
- D. mở rộng các ngành nghề thủ công mỹ nghệ.

Câu 13: Nông nghiệp đang đóng vai trò chính trong hoạt động kinh tế ở vùng kinh tế nào của Nhật Bản?

- A. Hôn-su
- B. Xicô-cu
- C. Hô-cai-đô
- D. Ki-u-xi-u

Câu 14: Sản xuất nông nghiệp hàng hóa ở Trung du miền núi Bắc Bộ còn gặp khó khăn chủ yếu do

- A. thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường.
- B. thiếu quy hoạch, chưa mở rộng thị trường.
- C. thiếu nguồn nước tưới, nhất là vào mùa khô.
- D. thiếu cơ sở chế biến nông sản quy mô lớn.

Câu 15: Hạn chế lớn nhất về mặt tự nhiên của tài nguyên khoáng sản nước ta là

- A. hầu hết là khoáng sản đa kim.
- B. ít loại có giá trị.
- C. nhiều loại khoáng sản đang bị cạn kiệt.
- D. trữ lượng nhỏ lại phân bố phân tán.

Câu 16: Cho bảng số liệu:

Giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo khu vực kinh tế nước ta giai đoạn 1995 – 2014
(Đơn vị: triệu USD)

Khu vực	1995	2000	2005	2010	2014
Kinh tế trong nước	7672,4	13893,4	33084,3	42277,2	49037,3
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	6810,3	18553,7	39152,4	72252,0	101179,8
Tổng số	14482,7	32447,1	72236,7	114529,2	150217,1

Từ bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây **không** đúng về giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo khu vực kinh tế ở nước ta trong giai đoạn 1995 – 2014?

- A. giá trị xuất khẩu hàng hóa của hai khu vực trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đều tăng.
 B. giá trị xuất khẩu hàng hóa của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng ngày càng chiếm ưu thế hơn so với khu vực kinh tế trong nước.
 C. giá trị xuất khẩu hàng hóa nước ta tăng nhanh.
 D. giá trị xuất khẩu hàng hóa của khu vực trong nước tăng nhanh hơn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 17: Ở miền khí hậu phía Bắc, trong mùa đông càng về phía tây càng ẩm vì

- A. nhiệt độ thay đổi theo độ cao của địa hình.
 B. nhiệt độ tăng dần theo độ vĩ.
 C. đó là những vùng không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông bắc.
 D. dãy Hoàng Liên Sơn ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa Đông bắc.

Câu 18: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, Bắc Trung Bộ có những khu kinh tế ven biển nào ?

- A. Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An, Vũng Áng, Nhơn Hội, Chân Mây – Lăng Cô.
 B. Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An, Dung Quất, Hòn La, Chân Mây – Lăng Cô.
 C. Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An, Vũng Áng, Hòn La, Chân Mây – Lăng Cô.
 D. Nghi Sơn, Chu Lai, Vũng Áng, Hòn La, Chân Mây – Lăng Cô.

Câu 19: Phương hướng chính để khai thác kinh tế biển ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đầu tư đội tàu công suất lớn để đánh bắt xa bờ.
 B. xây dựng các cảng nước sâu, bảo vệ môi trường, đẩy mạnh khai thác dầu.
 C. tạo thể kinh tế liên hoàn (mặt biển-đảo- quần đảo- đất liền).
 D. phát triển du lịch biển, đảo.

Câu 20. Trình độ thâm canh tương đối thấp, nông nghiệp sử dụng nhiều lao động là đặc điểm của vùng nào sau đây?

- A. Tây Nguyên
 B. Bắc Trung Bộ
 C. Đồng bằng sông Cửu Long
 D. Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 21: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, tỉ trọng giá trị sản xuất cây lương thực thay đổi như thế nào trong cơ cấu ngành trồng trọt nước ta từ năm 2000 – 2005?

- A. giảm chậm
 B. tăng trở lại
 C. tăng giảm không ổn định.
 D. giảm nhanh.

Câu 22: Cơ quan nào của EU có quyền lực chính trị cao nhất?

- A. Nghị viện châu Âu
 B. Hội đồng châu Âu
 C. Hội đồng bộ trưởng EU
 D. Ủy ban liên minh châu Âu

Câu 23: Cho bảng số liệu sau: Tình hình sản xuất lúa gạo ở Nhật Bản qua các năm

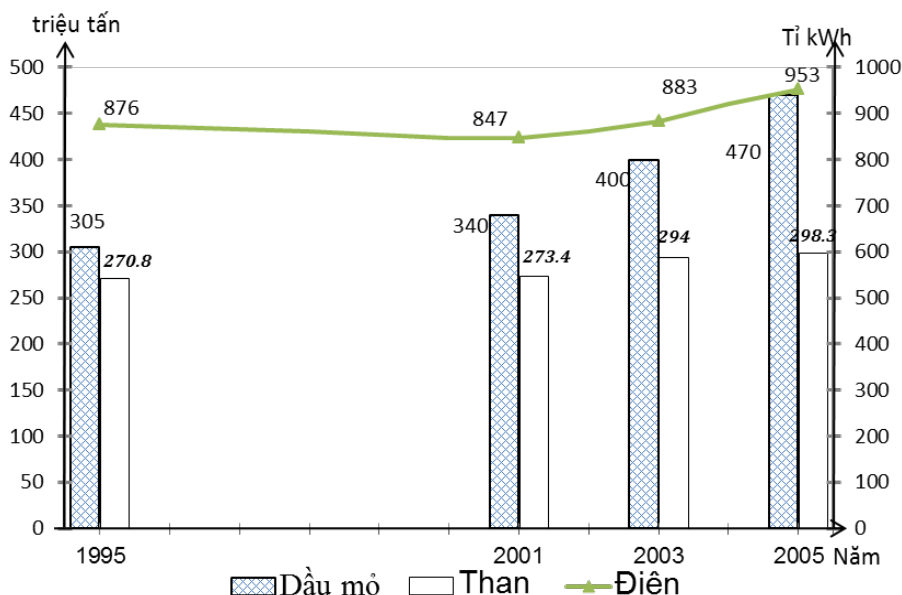
Năm	1965	1975	1985	1988	2000
Diện tích (nghìn ha)	3123	2719	2318	2067	1600
Sản lượng (nghìn tấn)	12585	12235	11428	10128	9600

Nhận xét nào sau đây **không** đúng về tình hình sản xuất lúa gạo ở Nhật Bản qua các năm?

- A. Năng suất lúa gạo của Nhật Bản có xu hướng giảm.
 B. Năng suất lúa gạo của Nhật Bản năm 2000 là 60 tạ/ha.
 C. Lúa gạo là cây lương thực chính của Nhật Bản.
 D. Sản lượng lúa gạo giảm chậm hơn so với diện tích.

Câu 24: Cho biểu đồ:

Sản lượng than, dầu mỏ, điện của Liên bang Nga 1995 – 2005.



Nhận xét nào sau đây đúng nhất?

- A. Sản lượng dầu mỏ, than có xu hướng tăng, điện có xu hướng giảm.
- B. Sản lượng than, dầu mỏ, điện có xu hướng tăng.
- C. Sản lượng than, dầu mỏ tăng liên tục, điện tăng nhưng có biến động.
- D. Sản lượng than, dầu mỏ tăng, than giảm, điện tăng.

Câu 25: Quá trình đô thị hóa ở nước ta nảy sinh những hậu quả về các vấn đề

- A. an ninh trật tự xã hội, gia tăng dân số tự nhiên.
- B. việc làm, mật độ dân số.
- C. gia tăng dân số tự nhiên, việc làm.
- D. ô nhiễm môi trường, an ninh trật tự xã hội.

Câu 26: Miền Trung có mưa lệch vào thu đông do

- A. đầu mùa có gió mùa Tây Nam, cuối mùa có gió mùa Đông Bắc.
- B. đầu mùa có gió phơn, cuối mùa có gió mùa Đông Bắc.
- C. đầu mùa có Tín phong bán cầu Bắc, cuối mùa có gió mùa Tây Nam.
- D. đầu mùa có gió phơn, cuối mùa có gió mùa Tây Nam.

Câu 27: Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự phân bố dân cư của Hoa Kỳ theo hướng từ các bang vùng Đông Bắc đến các bang phía Nam và ven Thái Bình Dương là

- A. khu vực mới rất giàu tài nguyên khoáng sản
- B. khu vực mới có điều kiện khí hậu rất thuận lợi.
- C. để phù hợp với quá trình khai thác lãnh thổ
- D. khu vực Đông Bắc có mật độ dân số quá cao

Câu 28: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, phần lớn diện tích lưu vực hệ thống sông Mê Kông của nước ta thuộc hai vùng

- A. Đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long và Bắc Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

Câu 29: Giao thông vận tải đường sông nước ta chậm phát triển là do

- A. chủ yếu tập trung phát triển một số tuyến sông chính.
- B. chậm đổi mới phương tiện và cơ sở vật chất kĩ thuật.
- C. khí hậu không thuận lợi.
- D. sự thất thường của chế độ nước sông.

Câu 30: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cơ cấu diện tích cây công nghiệp nước ta thay đổi theo hướng

- A. giảm tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm, tăng tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm.
- B. giảm tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm, tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm ít thay đổi.
- C. giảm tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm, tăng tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm.

D. giảm tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm, tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm ít thay đổi.

Câu 31: Nguyên nhân nào làm cho đồng bằng duyên hải miền Trung bị ngập lụt trên diện rộng?

- A. Mực nước biển dâng cao làm ngập vùng ven biển.
- B. Mưa bão lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về.
- C. Có nhiều đầm phá làm chậm việc thoát nước sông ra biển.
- D. Sông ngắn, dốc, tập trung nước nhanh.

Câu 32: Đông Nam Bộ và Tây Nguyên là hai vùng có thế mạnh tương đồng về

- A. khai thác lâm sản.
- B. trồng cây công nghiệp lâu năm.
- C. khai thác tài nguyên khoáng sản.
- D. phát triển chăn nuôi gia súc.

Câu 33: Nhân tố chủ yếu nào sau đây làm cho cơ cấu ngành công nghiệp nước ta tương đối đa dạng?

- A. Trình độ người lao động ngày càng được nâng cao.
- B. Nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia sản xuất.
- C. Nguồn nguyên, nhiên liệu nhiều loại và phong phú.
- D. Sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp ngày càng sâu.

Câu 34: Ý nào sau đây **không** phải là nguyên nhân làm cho sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây?

- A. Thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng
- B. Áp dụng tiến bộ kĩ thuật trong bảo quản, chế biến sản phẩm
- C. Môi trường biển ngày càng được cải thiện
- D. Các phương tiện được trang bị ngày càng tốt hơn

Câu 35: Một số cảng nước sâu gắn với khu kinh tế cảng biển của vùng Bắc Trung Bộ đang được đầu tư xây dựng và hoàn thiện là

- A. Chân Mây, Vũng Áng, Cửa Lò.
- B. Vũng Áng, Chân Mây, Vân Phong.
- C. Nghi Sơn, Vũng Áng, Chân Mây.
- D. Đà Nẵng, Cửa Việt, Thuận An.

Câu 36: Điểm khác nhau cơ bản giữa miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ; miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

- A. chế độ mưa và thủy chế sông ngòi.
- B. đặc điểm về khí hậu.
- C. cấu trúc địa hình và hướng sông ngòi.
- D. cấu trúc địa chất và địa hình.

Câu 37: Khó khăn lớn nhất trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta là

- A. thị trường thế giới có nhiều biến động, sản phẩm cây công nghiệp nước ta chưa đáp ứng được yêu cầu của các thị trường khó tính.
- B. khả năng mở rộng diện tích cây công nghiệp không còn nhiều.
- C. cơ sở vật chất kĩ thuật còn hạn chế, đặc biệt việc áp dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật tiên tiến trong sản xuất.
- D. mạng lưới cơ sở chế biến chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển cây công nghiệp.

Câu 38: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết giai đoạn 1995-2007 doanh thu ngành du lịch tăng bao nhiêu lần?

- A. 7.0 lần.
- B. 6.0 lần.
- C. 4.0 lần.
- D. 5.0 lần.

Câu 39: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, tuyến đường bộ hướng Đông – Tây nào sau đây **không** ở vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Đường số 6.
- B. Đường số 8.
- C. Đường số 7.
- D. Đường số 9

Câu 40: Sắp xếp theo thứ tự gia nhập ASEAN của các nước trong khu vực Đông Nam Á lần lượt là

- A. Thái Lan, Bru-nây, Việt Nam, Mi-an-ma và Cam-pu-chia.
- B. Thái Lan, Việt Nam, Cam-pu-chia, Mi-an-ma và Bru-nây.
- C. Việt Nam, Thái Lan, Bru-nây, Mi-an-ma và Cam-pu-chia.
- D. Thái Lan, Việt Nam, Bru-nây Mi-an-ma và Cam-pu-chia.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm

ĐÁP ÁN

Câu	Đáp án
1	B
2	C
3	D
4	A
5	D
6	A
7	D
8	D
9	D
10	C
11	A
12	A
13	B
14	D
15	D
16	D
17	D
18	C
19	C
20	B
21	A
22	B
23	A
24	C
25	D
26	B
27	C
28	B
29	B
30	A
31	B
32	B
33	C
34	C
35	C
36	B
37	A
38	A
39	A
40	A

ĐỀ 2**ĐỀ THI HỌC KỲ 2****Môn Địa Lí 12***Thời gian: 45 phút***Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam****Câu 1:** Căn cứ vào Atlas Việt Nam, trang 19. Hãy cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích cây trồng hằng năm, lâu năm lớn nhất ở vùng Tây Nguyên?.

- A. Gia Lai. B. Lâm Đồng. C. Đắk Lắk. D. Đắk Nông.

Câu 2: Dựa vào Atlas trang 25, cho biết độ chênh lệch giữa số lượt khách du lịch nội địa và số lượt khách du lịch quốc tế ở nước ta, năm 2005 là:

- A. 9.1 triệu lượt khách. B. 11.2 triệu lượt khách.
C. 11.5 triệu lượt khách. D. 12.5 triệu lượt khách.

Câu 3: Đặc điểm nào tạo ra sự khác biệt giữa Khu công nghiệp tập trung và Trung tâm công nghiệp ở nước ta?.

- A. Phân bố nơi có vị trí địa lí thuận lợi. B. Có ranh giới địa lí rõ ràng.
C. Có các Dịch vụ hỗ trợ sản xuất. D. Có nhiều xí nghiệp, nhà máy.

Câu 4: Tọa độ địa lí điểm cực Tây trên đất liền nước ta là:

- A. $109^{\circ}02'$ Đ. B. $120^{\circ}09'$ Đ. C. $102^{\circ}09'$ Đ. D. $120^{\circ}02'$ Đ.

Câu 5: Tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh có tổng chiều dài là:

- A. 1267 Km. B. 1726 Km. C. 1672 Km. D. 1762 Km.

Câu 6: Năm 2005, sản lượng khai thác hải sản nước ta đạt:

- A. 1.719.000 tấn. B. 1.791.000 tấn. C. 1.971.000 tấn. D. 2.791.000 tấn.

Câu 7: Năm 2005, cơ cấu giá trị sản xuất đạt 73.5 % là chỉ số phản ánh cơ cấu giá trị sản xuất của ngành, nhóm ngành nào trong nông nghiệp nước ta?.

- A. Trồng trọt. B. Chăn nuôi. C. Lương thực. D. Cây Công nghiệp.

Câu 8: Đặc điểm nào sau đây phản ánh tính chất của nền nông nghiệp hàng hóa?.

- A. Tự cung tự cấp. B. Quy mô sản xuất nhỏ.
C. Tạo ra nhiều lợi nhuận. D. Sản xuất thủ công.

Câu 9: Cơ cấu kinh tế của vùng đồng bằng sông Hồng đang chuyển dịch theo hướng:

A. Tăng tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng, dịch vụ và giảm tỷ trọng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản.

B. Tăng tỷ trọng giá trị sản xuất dịch vụ, giảm tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng và nông, lâm, thủy sản.

C. Tăng tỷ trọng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản và giảm tỷ trọng giá trị sản xuất dịch vụ, công nghiệp – xây dựng.

D. Tăng tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng, giảm tỷ trọng giá trị sản xuất dịch vụ và nông, lâm, thủy sản.

Câu 10: Dựa vào Atlas Việt Nam, trang 22. Hãy cho biết tỷ trọng công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nước từ năm 2000 – 2007, đã tăng lên bao nhiêu %?

- A. Tăng 1.1 %. B. Tăng 1%. C. Tăng 0.9 %. D. Tăng 1.2%.

Câu 11: Loại đất nào chiếm phần lớn diện tích đất tự nhiên của vùng đồng bằng sông Cửu Long?.

- A. Đất phù sa nước ngọt. B. Đất nhiễm mặn.
C. Đất pha cát. D. Đất phèn.

Câu 12: Dựa vào Atlas Việt Nam, trang 24. Hãy cho biết tổng giá trị xuất nhập khẩu nước ta năm 2007 là bao nhiêu?.

- A. 110.4 tỷ USD. B. 62.9 tỷ USD.
C. 69.2 tỷ USD. D. 111.4 tỷ USD.

Câu 13: Nhóm ngành được xem là thế mạnh trong công nghiệp chế biến của vùng Tây Nguyên là:

- A. Khai thác, chế biến thủy hải sản. B. Chế biến lâm sản, cây công nghiệp.
C. Công nghiệp điện tử - tin học. D. Chế biến lương thực, thực phẩm.

Câu 14: Về mùa cạn, nước triều lấn mạnh làm cho đất ở đồng bằng sông Cửu Long bị nhiễm mặn, chua phèn là:

A. Gần 2/4 diện tích đất.

B. 2/4 diện tích đất.

C. Gần 2/3 diện tích đất.

D. 2/3 diện tích đất.

Câu 15: Thế mạnh nổi bật về ngành chăn nuôi của Trung Du – MN. Bắc Bộ so với cả nước là chăn nuôi:

A. Gia cầm.

B. Lợn.

C. Bò.

D. Trâu.

Câu 16: Khí tự nhiên ở nước ta chủ yếu được khai thác từ các mỏ:

A. Lan Tây, Lan Đỏ.

B. Hồng Ngọc, Rồng.

C. Lan Đỏ, Đại Hùng.

D. Lan Tây, Bạch Hổ.

Câu 17: Thác Bản Giốc là thác nước tự nhiên thuộc tỉnh nào ở vùng Trung Du – MN. Bắc Bộ?.

A. Lạng Sơn.

B. Hà Giang.

C. Bắc Cạn.

D. Cao Bằng.

Câu 18: Trung bình mỗi năm có bao nhiêu cơn bão đổ bộ trực tiếp vào nước ta?.

A. 3 – 4 cơn bão.

B. 7 – 8 cơn bão.

C. 2 – 3 cơn bão.

D. 4 – 5 cơn bão.

Câu 19: Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất hiện nay ở nước ta là nhà máy nào?.

A. Sơn la.

B. Thác Bà.

C. Yaly.

D. Hòa Bình.

Câu 20: Việc phát triển công nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ, cần tránh tổn hại đến ngành nào của vùng? (ngành được xem là có nhiều tiềm năng)

A. Ngành công nghiệp.

B. Ngành thủy sản.

C. Ngành du lịch.

D. Ngành nông nghiệp.

Câu 21: Đèo Ngang là địa danh nơi tiếp xúc giữa các tỉnh nào sau đây?.

A. Quảng Bình – Quảng Trị.

B. Nghệ An – Hà Tĩnh.

C. Hà Tĩnh – Quảng Bình.

D. Huế - Đà Nẵng.

Câu 22: Quần đảo Hoàng sa và quần đảo Trường sa lần lượt thuộc các tỉnh, thành phố nào của nước ta

A. TP. Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi.

B. TP. Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa

C. TP. Đà Nẵng và tỉnh Bình Định.

D. Tỉnh Khánh Hòa và TP. Đà Nẵng.

Câu 23: Vùng, khu vực có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất nước ta là:

A. Đông Nam Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Nam Trung Bộ.

Câu 24: Thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian là một điểm nổi bật trong phát triển kinh tế của vùng nào?.

A. Tây Nguyên.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Trung du – MN. Bắc Bộ.

D. Đồng bằng Sông Hồng.

Câu 25: Dựa vào trang 11, At lát địa lí Việt Nam. Hãy xác định khu vực có đất nhiễm mặn lớn nhất ở nước ta.

A. Ven biển Nam Trung Bộ.

B. Ven biển đồng bằng Nam Bộ.

C. Ven biển Thái Bình – Hải Phòng.

D. Ven biển Bắc Trung Bộ.

Câu 26: Đồi núi có độ cao từ 1000m đến 2000m, chiếm bao nhiêu % diện tích cả nước?.

A. 42 %.

B. 14 %.

C. 1%.

D. 85%.

Câu 27: Năm 2005, nhóm hàng nào có tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa của nước ta?.

A. Hàng nông, lâm, thủy sản.

B. Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

C. Hàng điện tử - tin học.

D. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản.

Câu 28: Hiện nay việc khai thác nguồn lợi thủy hải sản ở vùng biển nước ta cần:

A. Cấm khai thác, đánh bắt ven bờ.

B. Cấm khai thác các loài có giá trị kinh tế cao.

C. Tránh đầu tư phương tiện, kỹ thuật đánh bắt xa bờ.

D. Tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ và các loài có giá trị kinh tế cao.

Câu 29: Vùng biển tính từ đường cơ sở ra ngoài khơi xa 12 hải lí, được gọi là gì?.

A. Vùng tiếp Giáp lãnh hải.

B. Vùng Đặc quyền kinh tế.

C. Vùng Nội thủy.

D. Vùng Lãnh hải.

Câu 30: Một trong những đặc điểm nổi bật của lao động nước ta là:

A. Đầy đủ cán bộ quản lí, công nhân kĩ thuật lành nghề.

B. Mức gia tăng nguồn lao động hàng năm thấp.

C. Phần lớn nhân công tham gia lao động trong Công nghiệp – Xây dựng.

D. Cần cù, sáng tạo, có kinh nghiệm sản xuất phong phú.

Câu 31: Loại khoáng sản có trữ lượng hàng tỉ tấn ở Tây Nguyên là

A. Crôm.

B. Sắt.

C. Mangan.

D. Bôxít.

Câu 32: Quốc gia nào sau đây không thuộc thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta.

A. Hàn Quốc.

B. Hoa Kỳ.

C. Nhật Bản.

D. Trung Quốc.

Câu 33: Ý nào sau đây không phải là đặc điểm thiên nhiên Dải đồng bằng ven biển Trung Bộ?.

A. Thiên nhiên khắc nghiệt, đất đai kém màu mỡ.

B. Bờ biển khúc khuỷu thêm lục địa hẹp và sâu.

C. Thiên nhiên trù phú, màu mỡ, xanh tươi.

D. Các dạng địa hình bồi tụ, mài mòn xen kẽ nhau, các cồn cát, đầm phá khá phổ biến.

Câu 34: Loại cây công nghiệp ngắn ngày chiếm vị trí hàng đầu trong các cây công nghiệp ngắn ngày của Đông Nam Bộ là các loại cây:

A. Mía và đậu tương.

B. Mía và sắn.

C. Lạc và Mía.

D. Đậu tương và lạc.

Câu 35: Mỏ khoáng sản tự nhiên nào sâu đây không được xem là mỏ khí đốt tự nhiên?.

A. Tiền Hải.

B. Lan Tây.

C. Rạng Đông.

D. Lan đỏ.

Câu 36: Bản chất của gió phơn Tây Nam (gió Lào) là:

A. Lạnh và khô hanh.

B. Khô và nóng.

C. Lạnh mưa và phùn.

D. Nóng ẩm mưa nhiều.

Câu 37: Vùng nào có mật độ dân số thấp nhất cả nước?.

A. Tây Bắc.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Đông Nam Bộ.

D. Đồng bằng Sông Cửu Long.

Câu 38: Cho bảng số liệu sau đây:

(đv: tỉ đồng)

Thành phần kinh tế	1996	2005
Nhà nước	74 161	249 085
Ngoài nhà nước	35 682	308 854
Đầu tư nước ngoài	39 589	433 110
Tổng	149 432	991 039

Hãy chọn biểu đồ thích hợp để thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 1996 và năm 2005

A. Cột ghép.

B. Cột chồng.

C. Hình tròn.

D. Miền.

Câu 39: Việc phát triển thủy điện sẽ tạo ra điều gì cho vùng Trung Du – MN. Bắc Bộ?.

A. Tạo điều kiện để phát triển mạnh Du lịch của vùng.

B. Giải quyết công ăn, việc làm cho phần lớn lao động.

C. Tạo ra động lực mới cho sự phát triển của vùng.

D. Xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải.

Câu 40: Ở Tây nguyên, do ảnh hưởng của độ cao, nên trong khi ở các cao nguyên cao 400 – 500m có khí hậu khá nóng. Vậy các cao nguyên có độ cao bao nhiêu sẽ có khí hậu mát mẻ?.

A. Trên 7000m.

B. Trên 800m.

C. Trên 900m.

D. Trên 1000m.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				
	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A																				
B																				
C																				
D																				

ĐỀ 3**ĐỀ THI HỌC KỲ 2****Môn Địa Lí 12***Thời gian: 45 phút*

Câu 1: Điều kiện thuận lợi nhất để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên cây công nghiệp lâu năm quy mô lớn ở nước ta là

- A. người dân có truyền thống và kinh nghiệm trong sản xuất cây công nghiệp lâu năm.
- B. nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước tăng nhanh, chính sách đầu tư của nhà nước.
- C. có đất ba dan màu mỡ, tầng phong hóa sâu, phân bố tập trung trên bề mặt cao nguyên rộng lớn bằng phẳng.
- D. cơ sở hạ tầng và mạng lưới giao thông vận tải đang được đầu tư ngày càng hiện đại.

Câu 2: Nhà máy thủy điện Yaly nằm trên sông nào?

- A. Sông Xê Xan.
- B. Sông Đồng Nai.
- C. Sông Ba.
- D. Sông Xrê Pôk.

Câu 3: Sự khác biệt về thể mạnh phát triển tổng hợp kinh tế biển giữa vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ được thể hiện rõ nhất trong các ngành

- A. khai thác khoáng sản, cảng biển.
- B. du lịch, khai thác khoáng sản.
- C. ngư nghiệp, cảng biển.
- D. du lịch, ngư nghiệp.

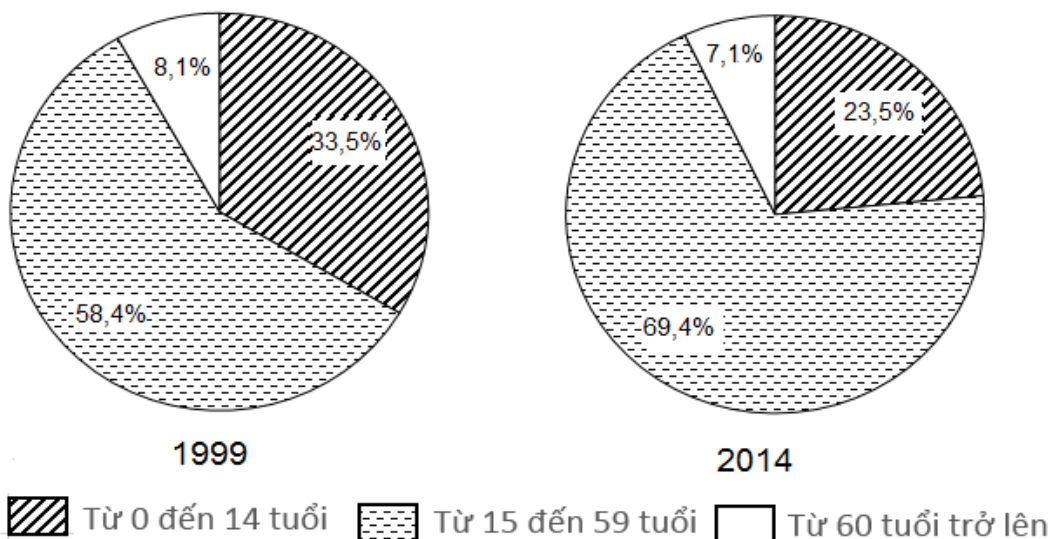
Câu 4: Nguyên nhân quan trọng nhất tạo nên sự khác nhau về cơ cấu cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc giữa vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên là

- A. địa hình, khí hậu và nguồn nước.
- B. địa hình, đất và khí hậu
- C. đất, địa hình và nguồn nước.
- D. trình độ thâm canh và cơ sở hạ tầng.

Câu 5: Địa phương nào dưới đây **không** giáp tỉnh Hải Dương?

- A. Hải Phòng.
- B. Bắc Giang
- C. Hà Nội.
- D. Quảng Ninh.

Câu 6: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Sự thay đổi cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi năm 1999 và 2014.
- B. Cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi năm 1999 và 2014.
- C. Tốc độ tăng trưởng dân số phân theo nhóm tuổi năm 1999 và 2014.
- D. Tình hình dân số phân theo nhóm tuổi năm 1999 và 2014.

Câu 7: Ý nghĩa quan trọng nhất của việc phát triển kinh tế các đảo, quần đảo là

- A. góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, duy trì đa dạng sinh học.
- B. tạo thêm việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.
- C. tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thế phát triển kinh tế liên hoàn.
- D. khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo.

Câu 8: Nhận định nào sau đây **không đúng** với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

- A. Là vùng lãnh thổ có diện tích lớn nhất cả nước
- B. Là vùng đông dân và có trữ lượng than nâu lớn nhất cả nước.
- C. Là vùng có các cửa khẩu quốc tế lớn nhất cả nước.
- D. Là vùng có nhiều tỉnh, thành phố thuộc Trung ương nhất cả nước.

Câu 9: Cho bảng số liệu: GDP CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ (Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Nông-lâm-thủy sản	Công nghiệp-xây dựng	Dịch vụ
2000	441646	108356	162220	171070
2010	1887082	396576	693351	797155
2014	3541828	696696	1307935	1537197

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Để thể hiện quy mô GDP của nước ta phân theo khu vực kinh tế giai đoạn 2000 – 2014, biểu đồ nào thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Đường
- C. Tròn
- D. Cột chồng

Câu 10: Phương hướng trọng tâm trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở đồng bằng sông Hồng là

- A. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi.
- B. đẩy mạnh phát triển ngành du lịch và các ngành dịch vụ.
- C. đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
- D. phát triển và hiện đại hóa công nghiệp chế biến, các ngành công nghiệp khác và dịch vụ gắn với yêu cầu phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.

Câu 11: Nhận định nào sau đây **đúng** về biển Đông nước ta?

- A. Là yếu tố quy định khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa.
- B. Có diện tích khoảng 3,477 triệu km².
- C. Tiếp giáp với vùng biển của các nước Đông Nam Á và Trung Quốc.
- D. Là lợi thế quan trọng để nước ta đẩy mạnh giao lưu hợp tác quốc tế.

Câu 12: Ý nghĩa quan trọng nhất của việc hình thành cơ cấu kinh tế nông-lâm-ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.
- B. góp phần chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế, bảo vệ môi trường.
- C. tăng cường các mối giao lưu với các quốc gia và vùng kinh tế lân cận.
- D. góp phần tạo ra cơ cấu ngành, tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian lãnh thổ.

Câu 13: Thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm và sản xuất vật liệu xây dựng ở vùng đồng bằng sông Hồng là

- A. đất và nước.
- B. biển và khoáng sản.
- C. cơ sở hạ tầng và đất.
- D. dân cư, lao động và nước.

Câu 14: Các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ, đất cát pha thuận lợi cho phát triển

- A. cây công nghiệp lâu năm.
- B. chuyên canh cây rau đậu.
- C. chuyên canh cây lúa nước.
- D. cây công nghiệp hàng năm.

Câu 15: Cho bảng số liệu: Sản lượng lúa và ngô của nước ta giai đoạn 2000-2015 (Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2000	2005	2010	2015
Lúa	32.529	35.832	40.005	45.215
Ngô	2.005	3.787	4.625	5.281

Chọn biểu đồ thích hợp nhất thể sản lượng lúa và ngô giai đoạn 2000-2015 ?

- A. Biểu đồ cột
- B. Biểu đồ tròn
- C. Biểu đồ đường
- D. Biểu đồ kết hợp

Câu 16: Khó khăn lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ là

- A. diện tích đất mặn, đất phèn lớn, rừng đang bị suy giảm nghiêm trọng.
- B. tài nguyên khoáng sản còn nghèo, cơ cấu khoáng sản không đa dạng
- C. mùa khô kéo dài 4-5 tháng nên thường xuyên xảy ra tình trạng thiếu nước cho cây trồng, cho sinh hoạt dân cư và cho công nghiệp.
- D. dân số tập trung quá đông, hệ thống cơ sở hạ tầng còn lạc hậu.

Câu 17: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về ngành thủy sản nước ta năm 2007?

- A. Thanh Hóa, Nghệ An là các tỉnh có ngành thủy sản đứng đầu vùng Bắc Trung Bộ.
- B. An Giang là tỉnh có sản lượng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước.
- C. Bà Rịa- Vũng Tàu là tỉnh có sản lượng khai thác thủy sản đứng đầu Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Kiên Giang là tỉnh có sản lượng khai thác thủy sản lớn nhất cả nước.

Câu 18: Mỏ thiếc Tĩnh Túc thuộc tỉnh

- A. Cao Bằng.
- B. Yên Bái.
- C. Hà Giang.
- D. Bắc Kạn.

Câu 19: Ngành có tác động mạnh mẽ đến cơ cấu kinh tế và sự phân hóa lãnh thổ kinh tế của vùng Đông Nam Bộ là

- A. dịch vụ.
- B. công nghiệp cơ khí chế tạo.
- C. công nghiệp điện tử tin học.
- D. công nghiệp dầu khí.

Câu 20: Điều kiện thuận lợi để vùng Duyên hải Nam Trung Bộ xây dựng các cảng nước sâu là

- A. có hệ thống núi ăn lan ra sát biển.
- B. có nhiều vũng vịnh nước sâu kín gió.
- C. lãnh thổ hẹp ngang và tất cả các tỉnh đều giáp biển.
- D. có nhiều khu công nghiệp và khu chế xuất.

Câu 21: Vấn đề khó khăn nhất đối với sự phát triển công nghiệp vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Hệ thống cơ nhiên liệu, năng lượng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.
- B. Lao động còn thiếu, trình độ nhân công thấp.
- C. Hệ thống hệ thống mạng lưới giao thông còn chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.
- D. Tình trạng hạn hán, sạt lở bờ biển diễn ra ngày càng nghiêm trọng.

Câu 22: Tỉnh có diện tích tự nhiên lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Quảng Nam.
- B. Quảng Ngãi
- C. Bình Thuận.
- D. Phú Yên.

Câu 23: Cho bảng số liệu sau: Diện tích và dân số các vùng trên cả nước năm 2015

Vùng	Diện tích (km^2)	Dân số (nghìn người)
Đồng bằng sông Hồng	21060,0	20925,5
Trung du và miền núi Bắc Bộ	95266,8	11803,7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	95832,4	19658,0
Tây Nguyên	54641,0	5607,9
Đông Nam Bộ	23590,7	16127,8
Đồng bằng sông Cửu Long	40576,0	17590,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây **không đúng** về mật độ dân số của các vùng nước ta năm 2015?

- A. Mật độ dân số của đồng bằng sông Cửu Long thấp hơn đồng bằng sông Hồng
- B. Mật độ dân số của Đông Nam Bộ cao hơn đồng bằng sông Hồng.
- C. Mật độ dân số của Trung du và miền núi Bắc Bộ cao hơn Tây Nguyên
- D. Mật độ dân số của Bắc Trung Bộ cao hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ .

Câu 24: Trong các ngành giao thông vận tải sau đây của nước ta, những ngành nào có ý nghĩa quan trọng đối với vận tải quốc tế?

- A. Đường bộ, đường hàng không.
- B. Đường sắt, đường biển.
- C. Đường biển, đường hàng không.
- D. Đường biển, đường sông.

Câu 25: Tuyến quốc lộ nào dưới đây **không** đi qua tỉnh Hải Dương?

- A. Quốc lộ 3.
- B. Quốc lộ 5.
- C. Quốc lộ 18.
- D. Quốc lộ 37.

Câu 26: Nhận định nào sau đây **không đúng** về ngành giao thông vận tải nước ta?

- A. Mạng lưới giao thông vận tải nước ta phát triển khá toàn diện, gồm nhiều loại hình vận tải khác nhau.
- B. Quốc lộ 1 là tuyến đường xương sống của cả hệ thống đường bộ nước ta, nối hầu hết các vùng kinh tế và các trung tâm kinh tế lớn của cả nước.
- C. Mạng lưới đường sắt bao phủ rộng khắp cả nước trong đó tập trung chủ yếu các tỉnh phía Nam.
- D. Hàng không là ngành non trẻ nhưng có bước tiến rất nhanh nhờ chiến lược phát triển táo bạo, quan tâm hiện đại hóa cơ sở vật chất.

Câu 27: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đất mặn.
- B. đất xám
- C. đất phèn.
- D. đất phù sa ngọt.

Câu 28: Nhận định nào sau đây **không đúng** về ngành thương mại nước ta?

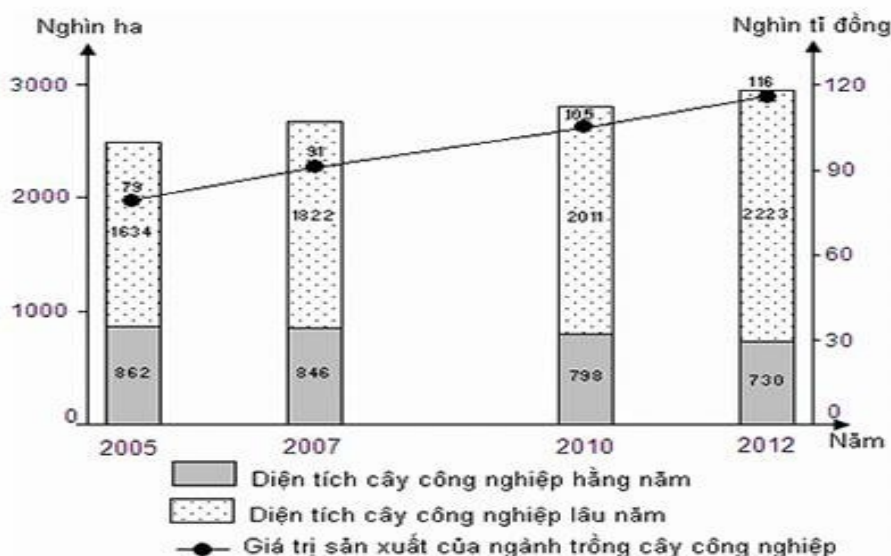
- A. Thị trường hàng hóa trong nước ngày càng đa dạng phong phú, thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
- B. Cán cân thương mại nước ta chủ yếu xuất siêu.
- C. Kim ngạch xuất nhập khẩu của nước ta tăng liên tục.
- D. Thị trường buôn bán ngày càng mở rộng theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.

Câu 29: Vấn đề quan trọng hàng đầu trong khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở ngành nông-lâm nghiệp của vùng Đông Nam Bộ là

- A. thay đổi cơ cấu cây trồng.
- B. bảo vệ tài nguyên rừng.
- C. đảm bảo vấn đề năng lượng.
- D. thủy lợi.

Câu 30: Cho biểu đồ:

DIỆN TÍCH VÀ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CỦA NGÀNH TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005-2012



Nhận xét nào sau đây **không đúng** về diện tích và giá trị sản xuất của ngành trồng cây công nghiệp nước ta giai đoạn 2005-2012?

- A. Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh.
- B. Diện tích cây công nghiệp hàng năm giảm đi.
- C. Giá trị sản xuất tăng khá nhanh và liên tục.
- D. Diện tích cây công nghiệp hàng năm nhiều hơn cây lâu năm.

Câu 31: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết Vườn quốc gia nào dưới đây nằm trên các đảo?

- A. Bái Tử Long.
- B. Xuân Thủy.
- C. Vũ Quang.
- D. U Minh Thượng.

Câu 32: Nhận định nào sau đây **đúng** với vùng đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Là vùng có diện tích lớn nhất và gồm nhiều tỉnh, thành phố thuộc Trung ương nhất cả nước.
- B. Là vùng có ba mặt giáp biển.
- C. Là vùng có nhiều huyện đảo nhất cả nước.
- D. Là vùng kinh tế lớn nhất cả nước, có ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm phát triển nhất cả nước.

Câu 33: Khó khăn lớn nhất đối với khả năng mở rộng diện tích và nâng cao năng suất cây công nghiệp, cây đặc sản và cây ăn quả của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. mạng lưới cơ sở công nghiệp chế biến còn thiếu.
- B. hiện tượng rét đậm, rét hại, sương muối và tình trạng thiếu nước vào mùa đông.
- C. trình độ canh tác của đồng bào dân tộc còn lạc hậu.
- D. thị trường tiêu thụ biến động.

Câu 34: Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc cải tạo đất mặn, đất phèn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là

- A. tạo ra các giống lúa chịu mặn, chịu phèn và bảo vệ tài nguyên rừng.
- B. thay đổi cơ cấu ngành nông nghiệp và thủy lợi.
- C. đảm bảo nước ngọt trong mùa khô và phát triển công nghiệp chế biến.
- D. đảm bảo nước ngọt trong mùa khô và thủy lợi.

Câu 35: Tuyến đường Hồ Chí Minh chạy qua Bắc Trung Bộ hoàn thành sẽ có ý nghĩa lớn trong việc

- A. thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các huyện phía tây, hình thành mạng lưới đô thị mới.
- B. thúc đẩy sự phát triển kinh tế các huyện phía đông, hình thành mạng lưới đô thị mới.
- C. đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài đối với vùng đồng bằng ven biển.
- D. đẩy mạnh mối giao lưu kinh tế giữa các địa phương trong vùng với nước bạn Lào.

Câu 36: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉ trọng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của khu vực kinh tế ngoài Nhà nước giai đoạn 1995-2007 thay đổi như thế nào?

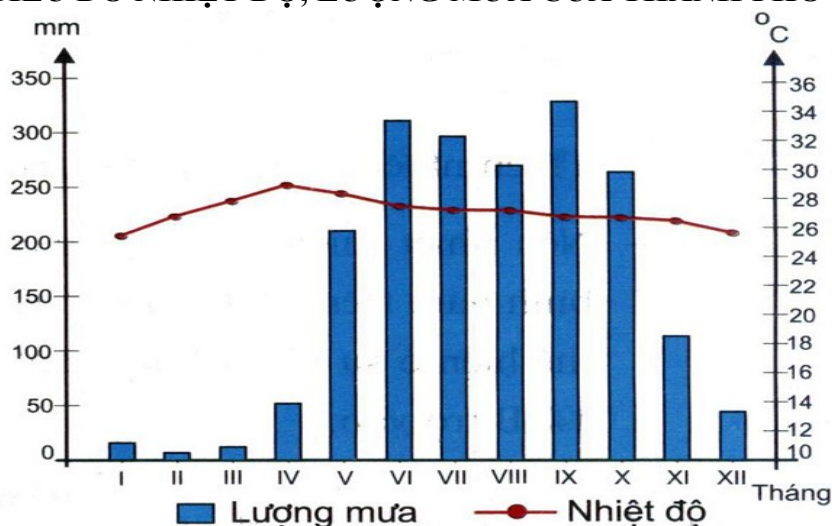
- A. Giảm 8,7 %. B. Tăng 8,7%. C. Tăng 10,2%. D. Tăng 9,3 %.

Câu 37: Sắp xếp các huyện đảo dưới đây theo thứ tự từ Bắc vào Nam:

- A. Cát Hải, Lý Sơn, Cô Tô, Côn Đảo, Phú Quốc.
B. Cát Hải, Phú Quốc, Lý Sơn, Cô Tô, Côn Đảo.
C. Cô Tô, Cát Hải, Lý Sơn, Côn Đảo, Phú Quốc.
D. Lý Sơn, Cô Tô, Côn Đảo, Phú Quốc, Cát Hải.

Câu 38: Cho biểu đồ sau:

BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ, LƯỢNG MƯA CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Nhận xét nào sau đây **không đúng** về nhiệt độ, lượng mưa của Thành phố Hồ Chí Minh?

- A. Nhiệt độ các tháng ít có sự chênh lệch. B. Mưa tập trung chủ yếu vào thu- đông.
C. Lượng mưa tháng II thấp nhất. D. Nhiệt độ tháng IV lớn nhất.

Câu 39: Nhận định nào sau đây **không phải** là ý nghĩa của các nhà máy thủy điện đối với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Góp phần phân bố lại dân cư, lao động, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập người dân.
B. Là cơ sở để phát triển ngành thủy sản, du lịch.
C. Tạo ra sự thay đổi không nhỏ về môi trường sinh thái và cảnh quan tự nhiên.
D. Tạo ra động lực mới cho sự phát triển, tạo tiền đề phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.

Câu 40: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết lễ hội nào dưới đây **không** thuộc vùng đồng bằng sông Hồng?

- A. Chùa Hương. B. Phủ Giầy C. Đền Hùng D. Cỏ Loa

-----HẾT-----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam

do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến năm 2016.

ĐÁP ÁN

Câu	ĐA
1	C
2	A
3	C
4	B
5	C

6	A
7	D
8	B
9	D
10	D
11	D
12	D
13	B
14	D
15	A
16	C
17	C
18	A
19	D
20	B
21	A
22	A
23	B
24	C
25	A
26	C
27	C
28	B
29	D
30	D
31	A
32	B
33	B
34	D
35	A
36	B
37	C
38	B
39	A
40	C

ĐỀ 4**ĐỀ THI HỌC KỲ 2****Môn Địa Lí 12***Thời gian: 45 phút*

Câu 1. Đặc điểm tự nhiên tạo cơ sở cho việc hình thành vùng chuyên canh chè ở TD và MN Bắc Bộ là

- A. chế độ nhiệt, ẩm cao.
- B. đất pheralit giàu dinh dưỡng.
- C. địa hình chủ yếu là đồi núi.
- D. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh và địa hình đồi núi.

Câu 2. Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác một số khoáng sản ở TD và MN Bắc Bộ là

- A. thiếu lao động có kỹ thuật.
- B. đòi hỏi các phương tiện hiện đại.
- C. khu vực có khoáng sản là địa bàn cư trú của đồng bào dân tộc ít người.
- D. các mỏ phân bố phân tán, nhìn chung các mỏ khoáng sản trữ lượng không lớn.

Câu 3. TD và MN Bắc Bộ có nguồn thủy năng lớn là do

- A. nhiều sông ngòi, mưa nhiều.
- B. đồi núi cao, mặt bằng rộng, mưa nhiều.
- C. địa hình dốc, lắm thác ghềnh.
- D. địa hình dốc và sông có lưu lượng nước lớn.

Câu 4. Tây Nguyên là vùng đứng đầu cả nước về

- A. diện tích cây ăn quả.
- B. sản lượng cây cao su.
- C. trữ năng thủy điện.
- D. diện tích cây cà phê.

Câu 5. Loại khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở Tây Nguyên là

- A. Crôm.
- B. Mangan.
- C. Sắt.
- D. Bôxit.

Câu 6. Điều kiện tự nhiên thuận lợi để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp là

- A. đất bazan có tầng phong hóa sâu, địa hình cao nguyên xếp tầng.
- B. khí hậu cận xích đạo, khô nóng quanh năm.
- C. đất bazan giàu dinh dưỡng, khí hậu mang tính chất cận xích đạo.
- D. đất feralit phân bố trên các cao nguyên xếp tầng.

Câu 7. Tỉnh trọng điểm nghề cá ở Bắc Trung Bộ hiện nay là

- A. Nghệ An.
- B. Thanh Hóa.
- C. Hà Tĩnh.
- D. Quảng Bình.

Câu 8. Vai trò chính của rừng ven biển của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. chắn gió, bão, cát bay, cát chảy.
- B. điều hòa dòng chảy của sông ngòi.
- C. ngăn chặn sự xâm nhập mặn.
- D. để lấy gỗ nguyên liệu.

Câu 9. Ưu tiên hàng đầu trong việc phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. phát triển cơ sở năng lượng.
- B. khai thác khoáng sản.
- C. xây dựng hệ thống cảng biển.
- D. phát triển công nghiệp chế biến N-L-TS.

Câu 10. Thế mạnh tự nhiên thuận lợi nhất trong việc phát triển ngành đánh bắt thủy sản ở DHNTB là

- A. bờ biển dài, nhiều loài tôm cá và các hải sản khác.

- B. ít chịu ảnh hưởng của bão và gió mùa đông bắc.
 C. bờ biển có nhiều khả năng xây dựng cảng cá.
 D. ngoài khơi có nhiều loài cá, tôm có giá trị kinh tế cao.

Câu 11. Nghề làm muối phát triển mạnh nhất ở

- A. Duyên Hải Nam Trung Bộ. B. Bắc Trung Bộ.
 C. Đông Nam Bộ. D. đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 12. Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tăng tỉ trọng khu vực III, giảm tỉ trọng khu vực I và II.
 B. giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III.
 C. tăng tỉ trọng khu vực III và I, giảm tỉ trọng khu vực II.
 D. tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và III.

Câu 13. Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
 C. Duyên hải miền Trung. D. Đông Nam Bộ.

Câu 14. Khoáng sản có giá trị lớn nhất Đồng bằng sông Hồng là

- A. đá vôi, đất sét, cao lanh. B. than nâu, khí tự nhiên.
 C. đá vôi, đất sét. D. đá vôi, than nâu.

Câu 15. Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (Đơn vị %)

Năm	1990	1995	2000	2010
Nông- Lâm- Ngư	45,6	32,6	29,1	12,6
Công nghiệp- xây dựng	22,7	25,4	27,5	43,8
Dịch vụ	31,7	42,0	43,4	43,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2010, NXB Thống kê, 2011)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1990- 2010, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Miền. C. Đường. D. Cột.

Câu 16. Phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở vùng ở Đồng bằng sông Hồng vì

- A. đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.
 B. khai thác hợp lý các nguồn lực phát triển kinh tế, xã hội.
 C. góp phần giải quyết các vấn đề về xã hội và môi trường trong vùng.
 D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng còn chậm, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.

Câu 17. Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu trong việc phát triển nông nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. lao động. B. thủy lợi. C. giống cây trồng. D. bảo vệ rừng.

Câu 18. Đông Nam Bộ là vùng kinh tế phát triển nhất cả nước **không** phải là do

- A. vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi.
 B. chính sách phát triển phù hợp, thu hút đầu tư.
 C. dựa hoàn toàn vào vốn đầu tư nước ngoài.
 D. lao động lành nghề, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại.

Câu 19. Tài nguyên khoáng sản nổi bật nhất của vùng Đông Nam Bộ là

- A. cao lanh cho công nghiệp gốm, sứ.
 B. đất sét cho công nghiệp vật liệu xây dựng.
 C. dầu khí ở vùng thềm lục địa.
 D. bôxít cho công nghiệp luyện kim màu.

Câu 20. Đồng bằng sông Cửu Long ít xảy ra

- A. hạn hán B. bão. C. lũ lụt. D. xâm nhập mặn.

Câu 21. Chủ động “sống chung với lũ” để khai thác các nguồn lợi kinh tế do lũ hàng năm đem lại là đặc trưng của vùng

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng ven biển miền Trung.
C. Vùng đồi núi. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 22. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có ngành chăn nuôi gia súc và gia cầm phát triển mạnh là do

- A. điều kiện tự nhiên thuận lợi.
B. nguồn thức ăn cho chăn nuôi phong phú, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
C. lực lượng lao động dồi dào, có kinh nghiệm trong phát triển chăn nuôi.
D. sử dụng nhiều giống gia súc, gia cầm có giá trị kinh tế cao trong chăn nuôi.

Câu 23. Khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long thể hiện rõ nét tính chất

- A. ôn đới. B. nhiệt đới. C. cận nhiệt đới. D. cận xích đạo.

Câu 24. Phương hướng khai thác nguồn lợi hải sản vừa hiệu quả vừa góp phần bảo vệ vùng trời, vùng biển, thêm lục địa nước ta là

- A. đánh bắt xa bờ. B. đánh bắt ven bờ.
C. đánh bắt tận diệt. D. đánh bắt đúng vùng biển quy định.

Câu 25. Vấn đề cần chú ý trong thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. hạn chế tối đa xuất khẩu dầu thô.
B. nâng cao hiệu quả sử dụng khí đồng hành.
C. tránh để xảy ra các sự cố môi trường.
D. xây dựng các nhà máy lọc hóa dầu.

Câu 26. Vùng kinh tế trọng điểm có đóng góp lớn nhất vào GDP của nước ta là

- A. vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc
B. vùng kinh tế trọng điểm miền Trung
C. vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
D. vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 27. Đối với vấn đề an ninh quốc phòng, đảo và quần đảo có ý nghĩa là

- A. cơ sở để khai thác hiệu quả các nguồn lợi hải đảo và thêm lục địa.
B. căn cứ để nước ta tiến ra biển và đại dương trong thời đại mới.
C. điều kiện thuận lợi phát triển du lịch.
D. hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền, khẳng định chủ quyền của nước ta.

Câu 28. (1,0 điểm) Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THÀNH THỊ CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC, GIAI ĐOẠN 2013-2015
(Đơn vị: Nghìn người)

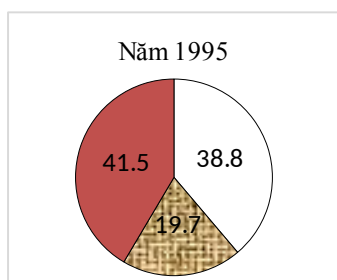
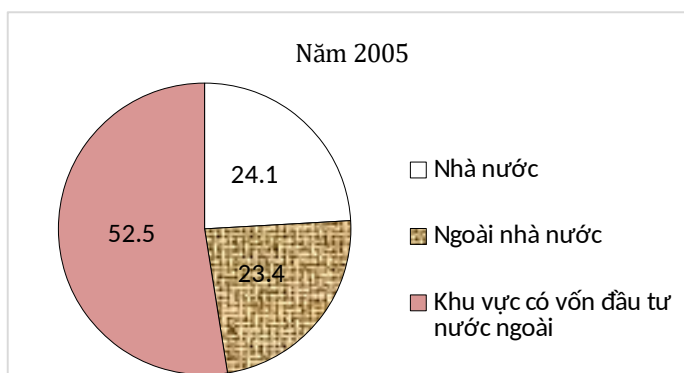
Năm	2013	2014	2015
Cả nước	28 874,9	30 035,4	31 067,5
Đông Nam Bộ	9 441,7	9 893,9	10 131,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về dân số thành thị của Đông Nam Bộ và cả nước, giai đoạn 2013-2015?

- A. Cả nước tăng nhanh và gấp hơn ba lần Đông Nam Bộ (năm 2015).
B. Đông Nam Bộ tăng nhanh nhưng ít hơn so với cả nước.
C. Đông Nam Bộ tăng không ổn định và tăng ít hơn cả nước.
D. Cả nước tăng nhiều hơn Đông Nam Bộ.

Câu 29. Cho biểu đồ:



Biểu đồ đã cho thể hiện nội dung nào?

- A. Quy mô và cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế ở Đông Nam Bộ.
- B. Tình hình phát triển giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế ở Đông Nam Bộ.

C. Sự chuyển dịch giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế ở Đông Nam Bộ.

D. Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế ở Đông Nam Bộ.

Câu 30. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, phần lớn diện tích đất của vùng ĐBSH là

A. đất trồng cây lương thực, thực phẩm và cây hàng năm.

B. đất trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả.

C. đất lâm nghiệp có rừng.

D. đất phi nông nghiệp.

Câu 31. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hai tỉnh có giá trị sản xuất lâm nghiệp lớn nhất nước ta năm 2007 là

A. Lâm Đồng, Thanh Hóa.

B. Yên Bái, Tuyên Quang.

C. Nghệ An, Lạng Sơn.

D. Hà Tĩnh, Quảng Bình.

Câu 32. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết ngành nào sau đây không xuất hiện ở trung tâm công nghiệp Hải Phòng?

A. Chế biến nông sản.

B. Đóng tàu.

C. Sản xuất vật liệu xây dựng.

D. Luyện kim màu.

Câu 33. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, trung tâm công nghiệp lớn nhất vùng Bắc Trung Bộ là

A. Thanh Hóa.

B. Vinh.

C. Đồng Hới.

D. Huế.

Câu 34. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cửa khẩu quốc tế **không** thuộc vùng ĐBSCL?

A. Xà Xía.

B. Xa Mát.

C. Tịnh Biên.

D. Vĩnh Xương.

Câu 35. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, thị trường XNK hàng hóa năm 2007 lớn nhất nước ta là khu vực

A. Châu Á- Thái Bình Dương.

B. Đông Nam Á.

C. Liên minh châu Âu.

D. Bắc Mỹ.

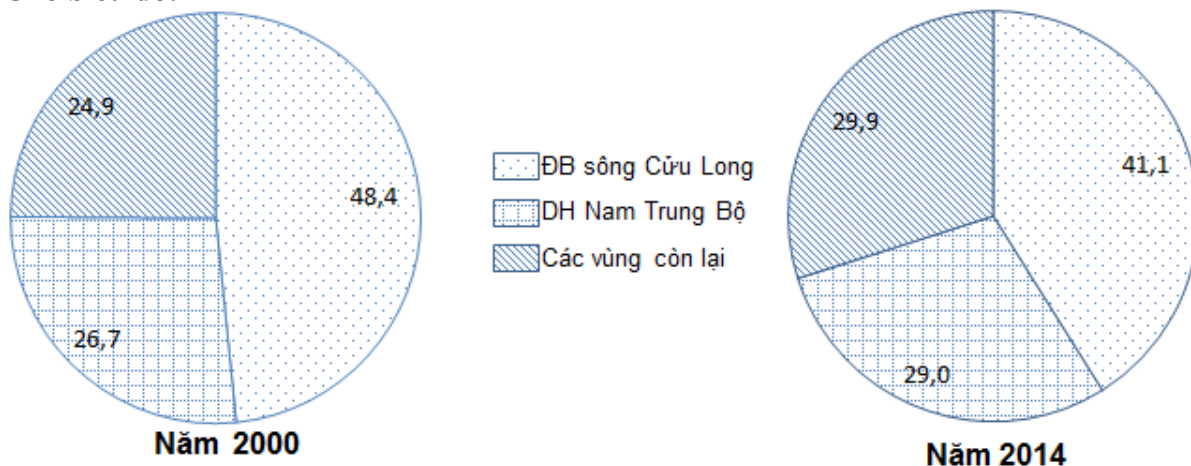
Câu 36. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, nước ta có mấy trung tâm du lịch quốc gia?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

ĐỀ 5**ĐỀ THI HỌC KỲ 2****Môn Địa Lí 12***Thời gian: 45 phút***I- PHẦN TRẮC NGHIỆM (8 điểm)****Câu 1 :** Cho biểu đồ:

**CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC PHÂN THEO VÙNG
GIAI ĐOẠN 2000-2014.**

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào dưới đây không đúng về cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác phân theo vùng ở nước ta giai đoạn 2000-2014.

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ có tỉ trọng lớn thứ hai.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long luôn là vùng có sản lượng thủy sản khai thác đứng đầu cả nước.
- C. Hai vùng có tỉ trọng lớn nhất đều có xu hướng tăng.
- D. Tỉ trọng các vùng còn lại của nước ta có xu hướng tăng.

Câu 2 : Ở nước ta, tỉnh nào sau đây không thuộc khu vực Tây Bắc của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ

- A. Hòa Bình.
- B. Yên Bái.
- C. Lai Châu.
- D. Sơn La.

Câu 3 : Ở nước ta, việc hình thành cơ cấu nông-lâm-ngư nghiệp có ý nghĩa lớn đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế chung của vùng Bắc Trung Bộ. Bởi vì nó góp phần

- A. khai thác tiềm năng to lớn của cả đất liền và biển của vùng.
- B. giải quyết việc làm cho một bộ phận lao động xã hội của vùng.
- C. tạo cơ cấu ngành và thể liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian của vùng.
- D. tạo ra cơ cấu ngành kinh tế của vùng.

Câu 4 : Ở nước ta, điều kiện tự nhiên thuận lợi hàng đầu để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp là:

- A. đất badan giàu dinh dưỡng, khí hậu cận xích đạo.
- B. đất feralit phân bố trên các cao nguyên xếp tầng.
- C. khí hậu cận xích đạo, khô nóng quanh năm.
- D. đất badan có tầng phong hóa dày, mưa theo mùa.

Câu 5 : Biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên của nước ta là

- A. xây dựng cơ sở công nghiệp chế biến gắn với vùng chuyên canh.
- B. phát triển các mô hình kinh tế trang trại.
- C. nâng cao chất lượng đội ngũ lao động.
- D. thay đổi giống cây trồng.

Câu 6 : Ở nước ta Đồng bằng sông Cửu Long không tiếp giáp với

- A. Đông Nam Bộ.

- B. Vịnh Thái Lan.
- C. Tây Nguyên.
- D. Campuchia.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng của Đông Nam Bộ là

- A. Thủ Dầu Một.
- B. Biên Hòa.
- C. Vũng Tàu.
- D. TP Hồ Chí Minh.

Câu 8: Trong việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Đông Nam Bộ của nước ta, ngoài thủy lợi thì biện pháp quan trọng tiếp theo là

- A. tăng cường phân bón và thuốc trừ sâu, công nghệ hiện đại, vốn.
- B. nâng cao trình độ cho nguồn lao động, đầu tư vốn, công nghệ hiện đại.
- C. áp dụng cơ giới hóa và điện khí hóa, hóa học hóa trong sản xuất.
- D. thay thế các giống cây trồng cũ bằng giống cây trồng cho năng suất cao.

Câu 9: Phải đặt ra vấn đề chuyển dịch cơ cấu theo ngành của vùng Đồng bằng sông Hồng ở nước ta là vì?

- A. Do sức ép dân số đối với kinh tế-xã hội và môi trường.
- B. Do việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành của vùng còn chậm, chưa phát huy được thế mạnh của vùng.
- C. Do tài nguyên thiên nhiên của vùng không thật phong phú.
- D. Do đây là vùng có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế.

Câu 10: Ở nước ta, loại tài nguyên quan trọng hàng đầu ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. khoáng sản.
- B. khí hậu.
- C. nước.
- D. đất.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết nhận định nào sau đây không đúng về GDP và cơ cấu GDP phân theo ngành của ba vùng kinh tế trọng điểm?

- A. Ngành công nghiệp và xây dựng ở vùng KTTĐ phía Nam có tỉ lệ cao nhất trong ba vùng.
- B. Ngành nông, lâm, thủy sản ở vùng KTTĐ miền Trung có tỉ lệ cao nhất trong ba vùng.
- C. Quy mô GDP lớn nhất là vùng KTTĐ phía Bắc.
- D. Ngành dịch vụ ở vùng KTTĐ phía Bắc có tỉ lệ cao nhất trong ba vùng.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ, khu vực nào chiếm tỉ trọng cao nhất?

- A. Công nghiệp và xây dựng.
- B. Kinh tế biển.
- C. Dịch vụ.
- D. Nông, lâm nghiệp, thủy sản.

Câu 13: Nguồn năng lượng chính để sản xuất điện ở Đông Nam Bộ là

- A. khí thiên nhiên.
- B. than.
- C. dầu nhập khẩu.
- D. thủy điện.

Câu 14: Ở nước ta, khó khăn về tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế-xã hội ở Đồng bằng sông Cửu Long không phải là:

- A. gió mùa Đông Bắc và sương muối.
- B. nhiều loại đất thiếu dinh dưỡng.
- C. mùa khô kéo dài.
- D. tài nguyên khoáng sản hạn chế.

Câu 15: Ở nước ta, việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ không có ý nghĩa nào sau đây:

- A. Góp phần điều tiết lũ trên các con sông và thực hiện vấn đề thủy lợi.
- B. Tạo điều kiện phát triển năng lượng và khai thác, chế biến khoáng sản.
- C. Tạo thuận lợi cho phát triển giao thông đường thủy.
- D. Tạo ra các cảnh quan có giá trị du lịch, nuôi trồng thủy sản.

Câu 16: Ở nước ta, loại khoáng sản đáng kể ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đá vôi, than nâu.
- B. dầu khí, than đá.
- C. bôxít, quặng sắt.
- D. đá vôi, than bùn.

Câu 17: Dựa vào bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ Ở NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2014 (Đơn vị: nghìn tấn)

Hoạt động	Bắc trung Bộ		Duyên hải Nam Trung Bộ	
	Năm 2010	Năm 2014	Năm 2010	Năm 2014

Nuôi trồng	97,1	138,0	77,9	86,4
Khai thác	240,9	328,0	670,3	845,7

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Cả hai vùng sản lượng thủy sản đều không tăng.
- B. Vùng Bắc Trung Bộ có sản lượng thủy sản nhỏ hơn vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ.
- C. Vùng Bắc Trung Bộ có sản lượng khai thác lớn hơn vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ.
- D. Vùng Bắc Trung Bộ có sản lượng nuôi trồng nhỏ hơn vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ.

Câu 18: Ở nước ta, tỉnh duy nhất của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có biển là:

- A. Lào Cai.
- B. Bắc Giang.
- C. Lạng Sơn.
- D. Quảng Ninh.

Câu 19: Ở nước ta, Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu, trong đó chủ yếu là do

- A. có đường bờ biển dài, ít đảo ven bờ.
- B. bờ biển có nhiều vũng vịnh, thềm lục địa sâu.
- C. có nhiều vũng vịnh rộng.
- D. có nền kinh tế phát triển nhanh nên nhu cầu vận tải lớn.

Câu 20: Ở nước ta, những huyện đảo nào sau đây thuộc thành phố Hải Phòng:

- A. Huyện đảo Cát Hải, Bạch Long Vỹ.
- B. Huyện đảo Cát Hải, Cô Tô.
- C. Huyện đảo Cát Hải, Cồn Cỏ.
- D. Huyện đảo Cát Hải, Vân Đồn.

Câu 21: Phương hướng quan trọng nhất để khai thác nguồn lợi hải sản vừa hiệu quả, vừa góp phần bảo vệ vùng trời- vùng biển- vùng thềm lục địa nước ta là:

- A. trang bị vũ khí quân sự.
- B. đánh bắt xa bờ.
- C. đẩy mạnh chế biến tại chỗ.
- D. đánh bắt ven bờ.

Câu 22: Phương hướng chủ yếu hiện nay đối với vấn đề lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long của nước ta là

- A. chủ động sống chung với lũ.
- B. trồng rừng ở thượng nguồn để chống lũ.
- C. xây dựng hệ thống đê bao để ngăn lũ.
- D. đào thêm kênh rạch để thoát lũ nhanh

Câu 23: Ở nước ta, tỉnh thuộc Tây Nguyên mà giáp với cả Lào và Campuchia là

- A. Đắk Nông.
- B. Đắk Lắk.
- C. Kom Tum.
- D. Gia Lai.

Câu 24: Dựa vào bảng số liệu :

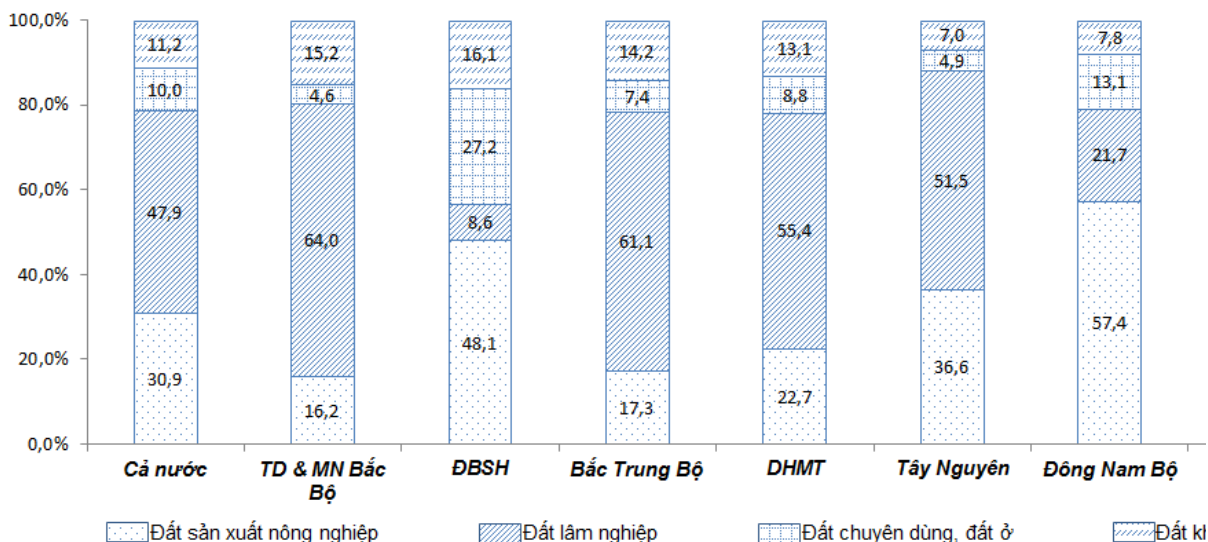
DÂN SỐ VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở NƯỚC TA NĂM 2013

Vùng	Dân số (nghìn người)	Sản lượng (nghìn tấn)
Đồng bằng sông Hồng	20439,4	6566,3
Đồng bằng sông Cửu Long	17478,9	25245,6

Từ bảng số liệu trên có thể thấy bình quân sản lượng lúa theo đầu người năm 2013 của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. 365,1 kg/người và 1443,3 kg/người.
- B. 345,1 kg/người và 1444,3 kg/người.
- C. 321,3 kg/người và 1450,3 kg/người.
- D. 321,3 kg/người và 1444,3 kg/người.

Câu 25: Cho biểu đồ:



Biểu đồ đã cho biểu hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu sử dụng đất phân theo vùng của nước ta.
- B. Tình hình phát triển hiện trạng sử dụng đất ở nước ta.
- C. Quy mô và sự chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất phân theo vùng của nước ta.
- D. Sự chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất phân theo vùng của nước ta.

Câu 26: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào dưới đây có quy mô lớn nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Thái Nguyên.
- B. Việt Trì.
- C. Hạ Long.
- D. Cẩm Phả.

Câu 27: Ở nước ta, thế mạnh về tự nhiên tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là:

- A. ít thiên tai, dịch bệnh.
- B. đất đai màu mỡ.
- C. nguồn nước dồi dào.
- D. có một mùa đông lạnh kéo dài.

Câu 28: Ở nước ta, Đồng bằng sông Hồng không tiếp giáp với vùng nào sau đây?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Vịnh Bắc Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 29: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM CỦA TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ, TÂY NGUYÊN Ở NƯỚC TA NĂM 2013

(Đơn vị: nghìn ha)

Loại cây	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Tây Nguyên
Cây công nghiệp lâu năm	142,4	969,0
Cà phê	15,5	573,4
Chè	96,9	22,9
Cao su	30,0	259,0
Cây khác	0	113,7

Từ bảng số liệu trên có thể thấy : So với Tây Nguyên thì Trung du-miền núi Bắc Bộ có

- A. diện tích trồng chè và diện tích trồng cà phê lớn hơn.
- B. diện tích trồng chè lớn hơn 4,2 lần.
- C. diện tích trồng cà phê lớn hơn 40 lần.
- D. diện tích trồng cao su thấp hơn 6,5 lần.

Câu 30: Ở nước ta, vấn đề được quan tâm nhất khi khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp của Đông Nam Bộ là:

- A. khí hậu.
- B. năng lượng.
- C. kĩ thuật.
- D. lao động.

Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết trong tỉnh nào của vùng Tây Nguyên trồng nhiều cà phê nhất?

- A. Lâm Đồng.
- B. Gia Lai.
- C. Đắk Nông.
- D. Đắk Lắk .

Câu 32: Ở nước ta, trung tâm điện lực có tổng công suất thiết kế hơn 4000 MW ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. Thác Mơ. B. Hòa Bình. C. Trị An. D. Phú Mỹ.

II- PHẦN TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 31 (0,5 điểm): Nêu ý nghĩa của việc hình thành cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ.

Câu 2 (0,5 điểm): Vì sao việc giải quyết các vấn đề về Biển Đông cần phải tăng cường sự hợp tác của các nước trong vùng?

Câu 3 (0,5 điểm): Đoạn thông tin

“Những năm gần đây, nguồn lợi hải sản ở vùng biển vịnh Bắc Bộ nói chung và vùng biển Hải Phòng nói riêng đã và đang khai thác quá mức. Số lượng tàu thuyền tăng nhanh cùng với việc quản lý chưa tốt đã dẫn đến sự suy giảm nghiêm trọng nguồn lợi cả về chất và lượng. Hàng loạt các hải đặc sản có nguy cơ biến mất, các loài cá tạp chất lượng thấp đang dần chiếm ưu thế trong sản lượng khai thác.”

(Nguồn lợi hải sản vùng biển Hải Phòng của tác giả Vũ Việt Hà)

Trước thực trạng đó em hãy cho biết cần phải làm gì để duy trì và phát triển ngành thủy sản của Hải phòng nói riêng và của vùng biển nước ta.

-----**Hết**-----

Học sinh được sử dụng Át lát Địa lí Việt Nam, không được sử dụng tài liệu.

Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1 MÔN ĐỊA LÝ

KHỐI 12 - NĂM HỌC 2016-2017

(Đáp án gồm 02 trang)

(Thời gian làm bài 45 phút, không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM(8,0 điểm)

Câu	111
1	C
2	B
3	C
4	A
5	A
6	C
7	D
8	D
9	B
10	D
11	C
12	A
13	A
14	A
15	C
16	D
17	A
18	D

19	B
20	A
21	B
22	A
23	C
24	D
25	A
26	C
27	D
28	A
29	B
30	B
31	D
32	D

II. PHẦN TỰ LUẬN (2,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1 (0,5 đ)	Nêu ý nghĩa của việc hình thành cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ.	0,5
	-Góp phần tạo cơ cấu ngành. -Tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian. -Phát huy các thế mạnh sẵn có của vùng, trong đó thế mạnh về nông-lâm-ngư nghiệp, góp phần đẩy mạnh CNH-HĐH của vùng. -Góp phần phát triển bền vững ở Bắc Trung Bộ.	0,25 0,25
2 (0,5 đ)	Vì sao việc giải quyết các vấn đề về Biển Đông cần phải tăng cường sự hợp tác của các nước trong vùng?	0,5
	-Biển Đông là biển chung của các nước trong vùng. -Tạo ra môi trường hòa bình ổn định giữa các nước. -Bảo vệ lợi ích chính đáng và chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước.	0,25 0,25
3 (1,0đ)	Em hãy cho biết cần phải làm gì để duy trì và phát triển ngành thủy sản của Hải phòng nói riêng và của vùng biển nước ta.	1,0
	Khai thác thủy hải sản phải gắn liền với bảo vệ nguồn lợi, môi trường sinh thái đảm bảo phát triển bền vững. Cụ thể cần có các giải pháp sau: -Giải pháp về thông tin tuyên truyền: +Tuyên truyền rộng rãi, thường xuyên, liên tục để..... +Tập huấn và trao đổi các phương pháp khai thác bằng công nghệ mới, kinh nghiệm khai thác có hiệu quả..... -Giải pháp bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản: +Tăng cường công tác giáo dục ngư dân bảo vệ và phát triển nguồn thủy sản. +Xây dựng các khu bảo tồn biển ở Bạch Long Vĩ và đảo Cát Bà nhằm bảo tồn tính đa dạng đồng thời bảo vệ các loài hải sản có nguy cơ tuyệt chủng. <i>(Nếu HS trả lời thêm các giải pháp ngoài các giải pháp trên thì cộng thêm 0,25 điểm khi câu trả lời chưa đạt điểm tối đa)</i>	0,25đ 0,25 0,25đ 0,25
Tổng	câu 1 + câu 2	2,0 đ

ĐỀ 6**ĐỀ THI HỌC KỲ 2****Môn Địa Lí 12***Thời gian: 45 phút***Câu 1: Cho bảng số liệu:**

LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO NHÓM TUỔI TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN CỦA NƯỚC TA 2005 VÀ 2013

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	Tổng số lao động	Phân theo độ tuổi		
		15 – 24 tuổi	25- 49 tuổi	Từ 50 trở lên
2005	44. 904,5	9 .168,0	28. 432,5	7 .304,0
2013	53.245,6	7 .916,1	31 .904,5	13. 425,0

Theo bảng trên nhận xét nào **không đúng** với lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo nhóm tuổi ở nước ta năm 2005 và năm 2013?

A. Số lao động trong độ tuổi từ 15-24 năm 2013 giảm so với năm 2005, các nhóm tuổi còn lại tăng.

B. Tổng số lao động và số lao động trong độ tuổi từ 25 trở lên tăng.

C. Lực lượng lao động trong độ tuổi từ 15 trở lên phân theo nhóm tuổi ở nước ta năm 2005 và 2013 có sự thay đổi.

D. Số lao động trong độ tuổi từ 15-24 năm 2013 tăng so với năm 2005, các nhóm tuổi còn lại giảm.

Câu 2: Vào mùa hạ hiện tượng gió phơn Tây Nam thổi mạnh ở vùng Bắc Trung Bộ là do sự có mặt của loại địa hình nào ?

A. Dải đồng bằng hẹp ven biển.

B. Dãy núi Trường Sơn Bắc.

C. Dãy núi Hoàng Sơn chạy theo hướng Bắc-Nam.

D. Dãy núi Bạch Mã.

Câu 3: Hạn chế nào sau đây không phải của đồng bằng sông Hồng?

A. Địa hình bị chia cắt mạnh

B. Nghèo tài nguyên khoáng sản

C. Hay xảy ra bão, lũ lụt.

D. Dân số quá đông.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí trang 21, các trung tâm công nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. Việt Trì, Phúc Yên, Thái Nguyên, Hạ Long.

B. Thái Nguyên, Việt Trì, Bắc Ninh, Cẩm Phả.

C. Việt Trì, Thái Nguyên, Hạ Long, Bắc Ninh

D. Việt Trì, Thái Nguyên, Hạ Long, Cẩm Phả.

Câu 5: Cây rau màu ôn đới được trồng ở đồng bằng sông Hồng vào vụ

A. Đông xuân.

B. Hè thu.

C. Mùa.

D. Đông

Câu 6: Dựa vào atlas địa lý trang 24 cho biết năm 2007 tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của nước ta xếp từ cao đến thấp lần lượt là:

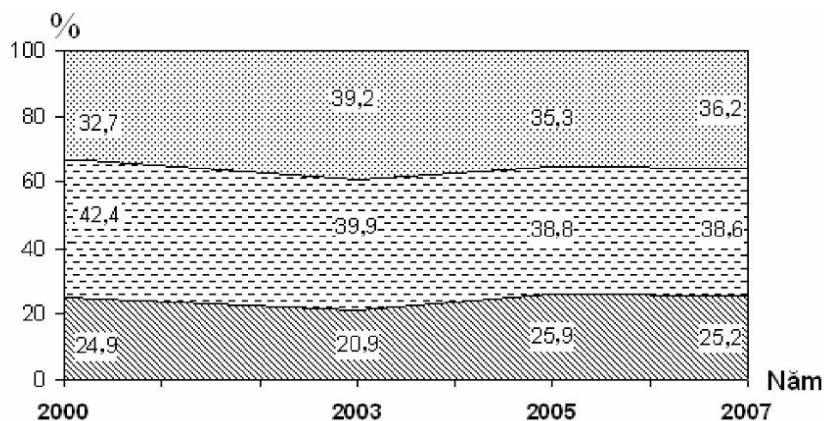
A. Khu vực ngoài nhà nước – khu vực nhà nước – Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

B. Khu vực nhà nước – khu vực ngoài nhà nước - khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

C. Khu vực ngoài nhà nước- khu vực có vốn đầu tư nước ngoài - khu vực nhà nước

D. Khu vực nhà nước – khu vực có vốn đầu tư nước ngoài - khu vực ngoài nhà nước

Câu 7: Cho biểu đồ:



■ Hàng xuất khẩu ■ Hàng nhập khẩu ■ Hàng nội địa

Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng nhất về sự thay đổi cơ cấu khối lượng vận chuyển phân theo loại hàng hóa của nước ta từ năm 2000 đến năm 2007?

- A. Tỉ trọng khối lượng vận chuyển hàng xuất khẩu của nước ta từ năm 2000 đến năm 2003 tăng.
 B. Giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2007, tỉ trọng khối lượng vận chuyển hàng xuất khẩu của nước ta tăng, tỉ trọng hàng nhập khẩu giảm, tỉ trọng khối lượng vận chuyển hàng nội địa tăng.
 C. Tỉ trọng khối lượng vận chuyển hàng nhập khẩu của nước ta từ 2000 đến 2007 tăng.
 D. Tỉ trọng khối lượng vận chuyển hàng nội địa của nước ta từ 2000 đến 2007 giảm

Câu 8: Đất ở các đồng bằng Bắc Trung Bộ thuận lợi cho phát triển:

- A. cây lúa nước. B. cây công nghiệp lâu năm
 C. cây công nghiệp hàng năm. D. các cây rau đậu

Câu 9: Huyện đảo thuộc Trung du miền núi Bắc Bộ là:

- A. Bạch Long Vĩ B. Lý Sơn C. Cồn Cỏ D. Vân Đồn

Câu 10: Nhà máy nhiệt điện của trung du miền núi Bắc Bộ là

- A. Phú Mỹ B. Uông Bí C. Cà Mau D. Bà Rịa

Câu 11: Đặc điểm nào sau đây không đúng với vùng Trung du miền núi Bắc Bộ

- A. Có tiềm năng khai thác kinh tế biển
 B. Có sự phân chia thành hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây bắc
 C. Là vùng có diện tích lớn nhất cả nước
 D. Là vùng có dân số đông thứ 2 cả nước

Câu 12: Chế biến lương thực, thực phẩm là một trong những ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta với thế mạnh quan trọng nhất là:

- A. Cơ sở vật chất kĩ thuật tiên tiến B. Có nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú
 C. Có nguồn lao động trình độ cao D. Có lịch sử phát triển lâu đời

Câu 13: Ở nước ta hiện nay, ngành vận tải chiếm tỉ trọng cao nhất trong tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển là:

- A. đường biển. B. đường sắt. C. đường sông. D. đường bộ.

Câu 14: Tuyến đường quan trọng nối liền các tỉnh thuộc Tây Nguyên là:

- A. Đường số 1A B. Đường số 24 C. Đường số 14 D. Đường số 51

Câu 15: Cho bảng số liệu:

ĐÀN GIA SÚC VÀ GIA CẦM NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2013.

Năm	Trâu (nghìn con)	Bò (nghìn con)	Lợn (nghìn con)	Gia cầm (triệu con)
2000	2 897	4 128	20 194	196
2002	2 814	4 063	23 170	233
2005	2 922	5 541	27 345	220
2010	2 877	5 808	27 373	300

2013	2 559	5 156	26 264	317
------	-------	-------	--------	-----

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng số đàn gia súc và gia cầm nước ta giai đoạn từ năm 2000 đến 2013, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ tròn. B. Biểu đồ cột. C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ miền.

Câu 16: Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp của nước ta hiện nay, tỉ trọng lớn nhất thuộc về

- A. Cây lương thực B. Cây công nghiệp dài ngày
C. cây hoa màu D. Cây công nghiệp ngắn ngày

Câu 17: Tuyến đường sắt Thống Nhất bắt đầu và kết thúc ở

- A. Lạng Sơn – Thành phố Hồ Chí Minh B. Hà Nội – Cà Mau
C. Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh D. Lạng Sơn – Cà Mau

Câu 18: Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Lãnh thổ hẹp ngang, đồng bằng nhỏ hẹp.
B. Có nhiều khoáng sản.
C. Có nhiều bán đảo, vũng vịnh, nhiều bãi biển đẹp.
D. Nhiều tiềm năng để phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Câu 19: Đặc điểm nào sau đây không phù hợp với ngành công nghiệp trọng điểm

- A. Mang lại giá trị kinh tế cao
B. Thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển
C. Có thể mạnh về tự nhiên và kinh tế xã hội
D. Sử dụng nhiều loại tài nguyên thiên nhiên

Câu 20: Di tích Mỹ Sơn -di sản văn hóa thế giới, thuộc tỉnh

- A. Đà Nẵng B. Phú Yên. C. Quảng Nam D. Quảng Ngãi

Câu 21: Tỉnh nào sau đây không thuộc đồng bằng sông Hồng

- A. Vĩnh Phúc B. Quảng Ninh C. Ninh Bình D. Bắc Ninh

Câu 22: Trong những năm gần đây, cơ cấu công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta đang chuyển dịch theo hướng

- A. Tăng tỉ trọng khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước, giảm khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
B. Tăng tỉ trọng khu vực nhà nước, giảm khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
C. Giảm khu vực nhà nước, tăng khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
D. Giảm khu vực nhà nước, tăng nhanh khu vực ngoài nhà nước và giảm khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

Câu 23: Ngành công nghiệp nào sau đây không được xem là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta.

- A. Công nghiệp luyện kim B. Công nghiệp năng lượng
C. Công nghiệp hóa chất D. Công nghiệp chế biến thực phẩm

Câu 24: Dựa vào atlas địa lý trang 22 cho biết nhà máy thủy điện nào có công suất trên 1000MW

- A. Trị An B. Tuyên Quang C. Hòa Bình D. Thác Bà

Câu 25: Tuyến đường biển nội địa quan trọng nhất nước ta hiện nay là:

- A. Hải Phòng – Đà Nẵng B. Đà Nẵng – Vũng Tàu
C. Hải Phòng – TP Hồ Chí Minh D. Đà Nẵng – TP Hồ Chí Minh

Câu 26: Dựa vào biểu đồ xuất – nhập khẩu hàng hóa qua các năm, thông qua atlas địa lý trang 24 cho biết năm 2007 giá trị nhập siêu của nước ta là

- A. 14,2 tỉ USD B. 10,2 tỉ USD C. 15,2 tỉ USD D. 5,2 tỉ USD

Câu 27: Cho bảng số liệu:

Giá trị sản xuất nông, lâm và thủy sản của nước ta (theo giá thực tế). (Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2005	2015
Nông nghiệp	183342,4	637400
Lâm nghiệp	9496,2	26600
Thủy sản	63549,2	194400
Tổng	256387,8	858400

Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện quy mô và cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm và thủy sản của nước ta là

- A. Biểu đồ tròn. B. Biểu đồ miền. C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ kết hợp

Câu 28: Chiều dài đường sắt Thống Nhất nước ta là:

- A. 1725 km B. 1727 km C. 1726 km D. 1728 km

Câu 29: Đặc điểm kinh tế xã hội nào sau đây không đúng với vùng đồng bằng sông Hồng :

- A. Năng suất lúa cao nhất cả nước B. Có lịch sử khai thác lãnh thổ sớm nhất cả nước
C. Mật độ dân số cao nhất cả nước D. Sản lượng lúa lớn nhất cả nước

Câu 30: Trung du miền núi Bắc Bộ có thể mạnh chắn nuôi gia súc lớn dựa vào tiềm năng chủ yếu nào ?

- A. nguồn thức ăn từ hoa màu lương thực.
B. sự phát triển của giao thông vận tải và công nghiệp chế biến.
C. có nhiều giống gia súc địa phương nổi tiếng.
D. diện tích đồng cỏ tự nhiên.

Câu 31: Đặc điểm nổi bật của dân cư đồng bằng sông Hồng là

- A. Lao động có trình độ chưa cao, phân bố không đều
B. Dân số trẻ, gia tăng cao nhất cả nước
C. Lao động tập trung chủ yếu ở các tỉnh sản xuất lương thực lớn
D. Dân cư đông nhất cả nước nguồn lao động dồi dào trình độ cao

Câu 32: Nguyên nhân chính cần phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là:

- A. vùng có nhiều trung tâm công nghiệp và các đô thị lớn.
B. do vùng có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
C. do thực trạng cơ cấu kinh tế của vùng còn nhiều hạn chế chưa hợp lý
D. do đây là vùng có mật độ dân số cao nhất cả nước.

Câu 33: Thế mạnh nông nghiệp ở trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. các cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản. B. các cây lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn.
C. các cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản. D. các cây hàng năm và chăn nuôi gia cầm.

Câu 34: Dựa vào atlas địa lý Việt Nam Trang 24 cho biết 2 thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt nam hiện nay là:

- A. Hoa Kỳ – Nhật Bản B. Canada và LB Nga
C. Trung Quốc – Ôxtralia D. Pháp – Đức

Câu 35: Căn cứ vào Atlas Địa lí trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây có qui mô trên 120 nghìn tỉ đồng?

- A. Hà Nội, , Thủ Dầu Một B. Hà Nội, Hải Phòng,
C. TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội D. TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí trang 25, các trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia là

- A. SaPa - Lào Cai B. Huế - Đà Nẵng
C. Hải Phòng - Quảng Ninh D. Nha Trang - Đà Lạt

Câu 37: Vịnh Vân Phong và vịnh Cam Ranh thuộc tỉnh :

- A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Khánh Hòa. D. Bình Thuận

Câu 38: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA CẢ NƯỚC, ĐB SÔNG HỒNG VÀ ĐB SÔNG CỬU LONG

Vùng	Diện tích (nghìn ha)		n)	
	2000	2014	2000	014
Đồng bằng sông Hồng	1212,6	1079,6	6586,6	6548,5
Đồng bằng sông Cửu Long	3945,8	4249,5	16702,7	25245,6
Cả nước	7666,3	7816,2	32529,5	44974,6

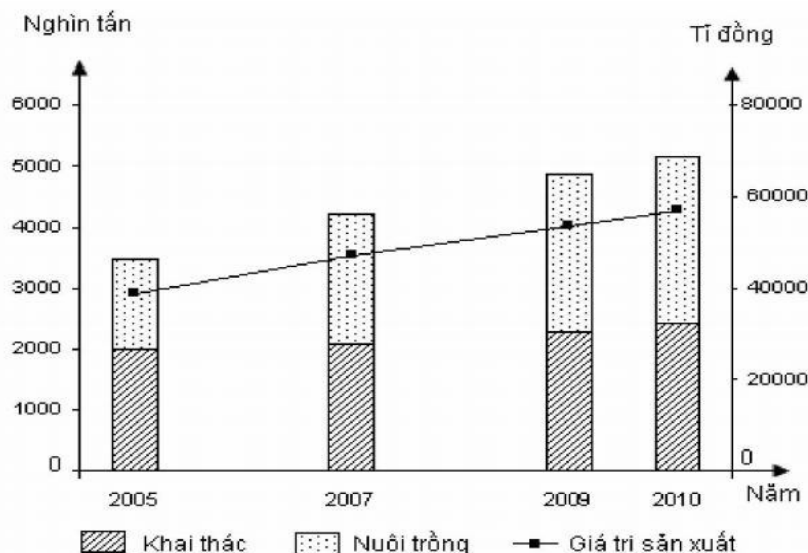
(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016) Theo bảng số liệu trên, năng suất lúa của cả nước năm 2014 là

- A. 5,94 tạ/ha. B. 57,5 tạ/ha. C. 60,7 tạ/ha. D. 59,4 tạ/ha.

Câu 39: Nguyên nhân cơ bản dẫn đến năng suất lúa ở đồng bằng sông Hồng cao nhất cả nước là do:

- A. Cơ sở hạ tầng tốt, khí hậu thuận lợi
B. Trình độ thâm canh cao, người dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp
C. Lao động có trình độ cao
D. Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời

Câu 40: Cho biểu đồ



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. So sánh sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản của nước ta trong giai đoạn 2005 - 2010.
B. Thể hiện tình hình phát triển sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản của nước ta trong giai đoạn 2005 - 2010.
C. Sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản trong giai đoạn 2005 - 2010.
D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản trong giai đoạn 2005 - 2010.

ĐÁP ÁN

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐÁP ÁN	D	B	A	D	D	A	B	C	D	B	D	B	D	C	C	A	C	B	D	C
CÂU	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
ĐÁP ÁN	B	C	A	C	C	A	A	C	D	D	D	C	B	A	C	B	C	B	B	B

ĐỀ 7

ĐỀ THI HỌC KỲ 2

Môn Địa Lí 12

Thời gian: 45 phút

Câu 1: Sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp nước ta theo hướng

- A. Tỷ trọng công nghiệp chế biến tăng, công nghiệp khai thác giảm.
B. Tỷ trọng công nghiệp khai thác tăng, công nghiệp chế biến giảm.
C. Tỷ trọng công nghiệp khai thác và chế biến đều tăng.

D. Tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước tăng.

Câu 2: Tác động của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên là:

- A. Tận dụng tài nguyên đất, nước, khí hậu ở Tây Nguyên.
- B. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Tây Nguyên theo hướng hiện đại.
- C. Làm thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đa dạng hóa sản phẩm.
- D. Thu hút lao động từ các vùng khác, tạo ra tập quán sản xuất mới cho đồng bào các dân tộc.

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau

đây có giá trị sản xuất công nghiệp dưới 9 nghìn tỉ đồng?

- A. Hải Dương, Hưng Yên, Phúc Yên
- B. Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng.
- C. Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định.
- D. Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh.

Câu 4: Nguồn lao động nước ta phân bố

- A. không đồng đều.
- B. nhiều ở thành thị.
- C. ít ở nông thôn.
- D. đồng đều.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế

biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?

- A. Hải Phòng, Đà Nẵng.
- B. Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh.
- C. TP.Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- D. Hà Nội, Hải Phòng.

Câu 6: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ một cách rõ rệt nhất cơ cấu ngành công nghiệp nước ta tương đối đa dạng?

- A. Nhóm sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước có 2 ngành.
- B. Có 3 nhóm với 29 ngành công nghiệp.
- C. Nhóm công nghiệp chế biến có 23 ngành.
- D. Có 4 ngành thuộc nhóm công nghiệp khai thác.

Câu 7: Điều kiện sinh thái nào sau đây **không đúng** với Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Núi, cao nguyên, đồi thấp.
- B. Đồng bằng hẹp, vùng đồi trước núi.
- C. Đất feralit đỏ vàng, đất phù sa cổ bạc màu.
- D. Khí hậu cận nhiệt đới, ôn đới trên núi, có mùa đông lạnh.

Câu 8: Vùng có diện tích trồng cây cao su đứng đầu cả nước là:

- A. Bắc Trung Bộ
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Tây nguyên.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 9: Kinh tế biển có vai trò ngày càng cao trong nền kinh tế nước ta, vì:

- A. vùng biển nước ta rộng, đường bờ biển dài.
- B. kinh tế biển đóng góp ngày càng lớn trong GDP của cả nước.
- C. biển có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông, du lịch.
- D. biển giàu tài nguyên khoáng sản, hải sản.

Câu 10: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2005	2014
Tổng số	13.287,0	14.809,4
Cây lương thực	8.393,4	8.996,2
Cây công nghiệp	2.495,1	2.843,5
Cây khác	2.408,5	2.969,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản thống kê 2016)

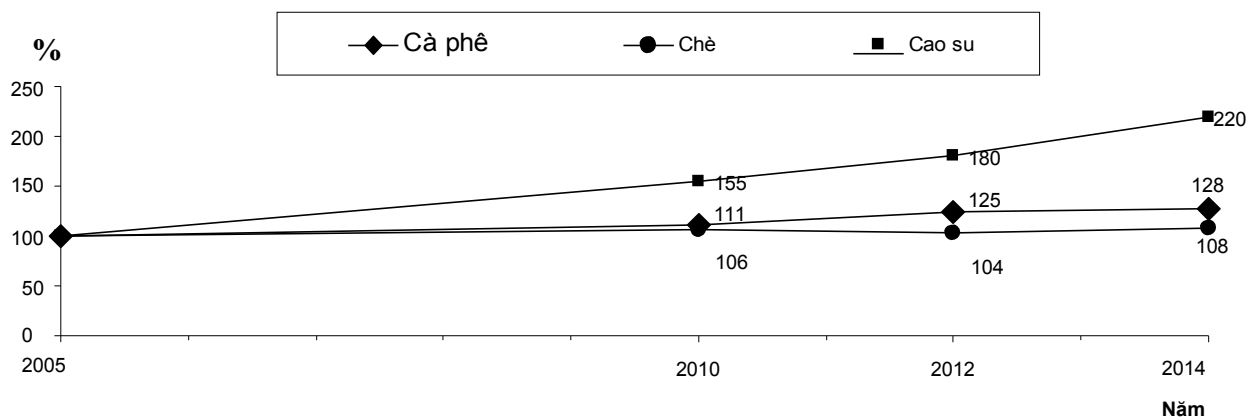
Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Diện tích các loại cây trồng không tăng.
- B. Diện tích cây khác tăng ít nhất.
- C. Diện tích cây lương thực tăng nhiều nhất.
- D. Diện tích cây khác tăng ít hơn cây công nghiệp.

Câu 11: Ở Đông Nam Bộ, để khắc phục hạn chế do mùa khô kéo dài, nâng cao hiệu quả sản xuất

nông nghiệp, vấn đề quan trọng cần quan tâm là:

- A. thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng.
- B. áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến, thủy lợi.
- C. cải tạo đất, thay đổi cơ cấu cây trồng.
- D. thay đổi cơ cấu cây trồng, chống xói mòn đất.

Câu 12: Cho biểu đồ sau đây:

Biểu đồ thể hiện nội dung gì sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm.
- B. Quy mô diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm.
- C. Cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm.
- D. Chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm.

Câu 13: Hoạt động nội thương phát triển mạnh ở những vùng có

- A. hàng hóa ít.
- B. giao thông còn khó khăn.
- C. dân cư đông.
- D. kinh tế chậm phát triển.

Câu 14: Dân cư thành thị của nước ta ngày càng tăng là do:

- A. Công cuộc đổi mới ở nước ta.
- B. Ở nông thôn không có việc làm nên ra thành thị tìm việc làm.
- C. Công nghiệp và dịch vụ ngày càng phát triển.
- D. Quá trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra nhanh chóng.

Câu 15: Khó khăn chính đối với trồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. rừng bị cháy vào mùa khô.
- B. đất bị nhiễm phèn, mặn trên diện rộng vào mùa khô.
- C. tài nguyên khoáng sản hạn chế.
- D. lũ gây ngập lụt trên diện rộng với thời gian dài.

Câu 16: Căn cứ vào trang 18 của Atlas Địa lí Việt Nam, hãy cho biết cây chè được trồng nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
- B. Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ.
- C. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên.

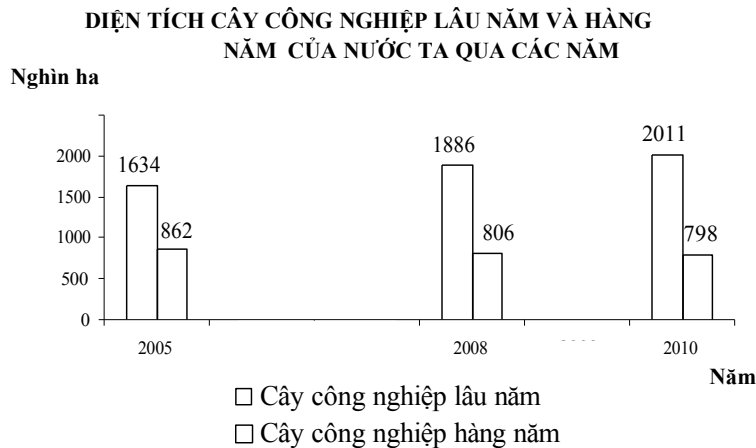
Câu 17: Ý nghĩa nào sau đây **không phải** của đường Hồ Chí Minh ở Bắc Trung Bộ?

- A. Góp phần phân bố lại dân cư.
- B. Thúc đẩy sự phát triển của các huyện phía tây.
- C. Tạo động lực phát triển dải đất ven biển.
- D. Hình thành mạng lưới đô thị mới.

Câu 18: Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp ở nước ta

- A. ngành chăn nuôi chiếm tỉ trọng cao hơn trồng trọt.
- B. ngành trồng trọt chiếm tỉ trọng cao hơn chăn nuôi.
- C. ngành trồng trọt có tỉ trọng bằng ngành chăn nuôi.
- D. ngành trồng trọt và chăn nuôi đều giảm giá trị sản xuất.

Câu 19: Cho biểu đồ dưới đây:



Nhận xét nào sau đây đúng với diện tích cây công nghiệp hàng năm và lâu năm của nước ta qua các năm?

- A. Diện tích cây công nghiệp lâu năm và hàng năm đều tăng.
- B. Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng chậm hơn cây hàng năm.
- C. Diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng, cây lâu năm giảm.
- D. Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng, cây hàng năm giảm.

Câu 20: Vấn đề đặt ra hiện nay đối với Đông Nam Bộ trong việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo chiều sâu là :

- A. thiếu nguyên liệu.
- B. quy hoạch không gian lãnh thổ.
- C. thiếu lao động chuyên môn cao.
- D. bảo vệ môi trường.

Câu 21: Phát biểu nào sau đây đúng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Công nghiệp có tỉ trọng giảm qua các năm.
- B. Tỉ trọng nông, lâm, ngư nghiệp tăng.
- C. Tỉ trọng dịch vụ giảm liên tục qua các năm.
- D. Công nghiệp và xây dựng có tỉ trọng tăng.

Câu 22: Phát biểu nào sau đây **không đúng với thế mạnh về lâm nghiệp** ở Bắc Trung Bộ?

- A. Hàng loạt lâm trường chăm lo khai thác đi đôi với tu bổ và bảo vệ rừng.
- B. Độ che phủ rừng lớn, chỉ đứng sau Tây Nguyên.
- C. Trong rừng có nhiều loại gỗ quý, nhiều lâm sản có giá trị.

D. Rừng giàu chỉ còn tập trung chủ yếu ở vùng biên giới Việt-Lào.

Câu 23: Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho đánh bắt hải sản nước ta là:

- A. nhiều bãi cá, vùng đặc quyền kinh tế rộng.
- B. có nhiều sông ngòi, kênh rạch.
- C. nhu cầu của thị trường thế giới ngày càng lớn.
- D. nhân dân có nhiều kinh nghiệm đánh bắt.

Câu 24: Điểm nào sau đây đúng với nguồn lợi sinh vật biển nước ta?

- A. Sinh vật biển giàu, nhiều thành phần loài.
- B. Độ mặn trung bình 33⁰/∞.
- C. Biển có độ sâu trung bình.
- D. Biển nhiệt đới ẩm quanh năm.

Câu 25: Cơ cấu kinh tế theo ngành của nước ta có sự chuyển dịch theo hướng

A. giảm tỉ trọng nông-lâm-ngư nghiệp, tăng tỉ trọng công nghiệp-xây dựng và giảm tỉ trọng dịch vụ.

- B. tăng tỉ trọng nông-lâm-ngư nghiệp, giảm tỉ trọng công nghiệp-xây dựng và dịch vụ.
- C. giảm tỉ trọng nông-lâm-ngư nghiệp, tăng tỉ trọng công nghiệp-xây dựng và dịch vụ.
- D. tăng tỉ trọng công nghiệp-xây dựng và dịch vụ, tăng tỉ trọng nông-lâm-ngư nghiệp.

Câu 26: Vùng có số lượng đô thị đứng đầu cả nước là:

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ .
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 27: Phát biểu nào sau đây **không đúng** với hoạt động khai thác hải sản ở Duyên hải Nam

Trung Bộ?

- A. Biển nhiều tôm, cá và các hải sản khác.
- B. Việc nuôi tôm hùm, tôm sú đang được phát triển ở nhiều tỉnh.
- C. Sản lượng cá biển chiếm phần lớn sản lượng thủy sản của vùng.
- D. Đánh bắt được nhiều loài cá quý như cá thu, cá ngừ, cá trích...

Câu 28: Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh nổi bật nhất cả nước về tiềm năng để phát triển công nghiệp

- A. hóa chất.
- B. vật liệu xây dựng.
- C. luyện kim đen.
- D. thủy điện.

Câu 29: Chất lượng lao động ở nước ta ngày càng được nâng lên là nhờ vào

- A. thành tựu phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.
- B. nước ta phát triển kinh tế theo con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- C. kết quả của công cuộc đổi mới ở nước ta.
- D. thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.

Câu 30: Hoạt động nào sau đây **không phải** của ngành lâm nghiệp?

- A. Trồng rừng.
- B. Lai tạo giống cây trồng và vật nuôi.
- C. Khoanh nuôi và bảo vệ rừng.
- D. Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản.

Câu 31: Vùng có diện tích trồng hồ tiêu đứng đầu cả nước là:

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 32: Thế mạnh nào sau đây **không dành cho** phát triển hoạt động đánh bắt hải sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Ngư trường lớn là Hoàng Sa-Trường Sa, cực Nam Trung Bộ.
- B. Bờ biển có nhiều vịnh, đầm phá để nuôi trồng thủy sản.
- C. Tỉnh nào cũng có bãi tôm, bãi cá.
- D. Biển lắm tôm, cá và các hải sản khác.

Câu 33: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết vùng có mật độ dân số đứng đầu cả nước?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 34: Mục đích khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam bộ là:

- A. đẩy mạnh đầu tư công nghệ.

- B. tăng cường đầu tư lao động chuyên môn cao.
 C. đẩy mạnh đầu tư vốn.
 D. nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ.

Câu 35: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết các tỉnh nào sau đây có sản lượng lúa đứng vào loại hàng đầu cả nước?

- A. An Giang, Kiên Giang. B. Thanh Hóa, Thái Bình.
 C. Kiên Giang, Đồng Tháp. D. Thái Bình, Sóc Trăng.

Câu 36: Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN Ở NƯỚC TA

Trình độ	1996	2005
Có chứng chỉ nghề sơ cấp	6,2 %	15,5 %
Trung học chuyên nghiệp	3,8 %	4,2 %
Cao đẳng, đại học và trên đại học	2,3 %	5,3 %

(Nguồn: SGK Địa lí 12, trang 73-NXB Giáo dục 2007)

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

- A. lao động cao đẳng, đại học và trên đại học tăng nhanh hơn lao động trung học chuyên nghiệp.
 B. lao động có chứng chỉ nghề sơ cấp tăng chậm hơn lao động trung học chuyên nghiệp.
 C. lao động có trình độ trung học chuyên nghiệp tăng tỉ trọng.
 D. lao động có chứng chỉ nghề sơ cấp nhiều hơn lao động cao đẳng, đại học và trên đại học.

Câu 37: Rừng có vai trò về mặt kinh tế là:

- A. Chống xói mòn, sạt lở đất. B. Giữ mạch nước ngầm.
 C. Điều hòa khí hậu. D. Cung cấp thực phẩm, dược phẩm.

Câu 38: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH, ĐIỆN, DẦU THÔ CỦA NƯỚC TA

Năm	2000	2005	2010	2014
Than (triệu tấn)	11,6	34,1	44,8	41,1
Dầu thô(triệu tấn)	16,3	18,5	15,0	17,4
Điện (tỉ kwh)	26,7	52,1	91,7	141,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)

Để thể hiện sản lượng dầu thô, than và điện của nước ta qua các năm, biểu đồ nào sau đây

thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Đường.
 C. Cột. D. Kết hợp cột và đường.

Câu 39: Tài nguyên đất ở Đồng bằng sông Cửu Long **không có thuận lợi** nào sau đây đối với việc phát triển nông nghiệp?

- A. Đất phù sa ngọt chiếm 30% diện tích đồng bằng.
 B. Diện tích đất phù sa lớn.
 C. Đất phù sa ngọt rất màu mỡ.
 D. Diện tích đất phèn, mặn chiếm phần lớn đồng bằng.

Câu 40: Ý nghĩa các đảo đối với an ninh quốc phòng ở nước ta là:

- A. có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch.
 B. có nhiều tài nguyên hải sản.
 C. hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.
 D. thuận lợi cho phát triển giao thông biển.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

MÃ ĐỀ	CÂU	ĐÁP ÁN
415	1	A

415	2	D
415	3	C
415	4	A
415	5	C
415	6	B
415	7	B
415	8	D
415	9	B
415	10	C
415	11	A
415	12	A
415	13	C
415	14	C
415	15	B
415	16	A
415	17	C
415	18	B
415	19	D
415	20	D
415	21	D
415	22	A
415	23	A
415	24	A
415	25	C
415	26	B
415	27	B
415	28	D
415	29	A
415	30	B
415	31	B
415	32	B
415	33	C
415	34	D
415	35	A
415	36	B
415	37	D
415	38	D
415	39	D
415	40	C

ĐỀ 8**ĐỀ THI HỌC KỲ 2****Môn Địa Lí 12***Thời gian: 45 phút*

Câu 41. (0.25 điểm) Dựa vào Atlas trang 27, Cửa khẩu quốc tế quan trọng của vùng Bắc Trung Bộ là:

- A. Nậm Cắn. B. Lao Bảo. C. Cầu Treo. D. Cha Lo.

Câu 42. (0.25 điểm) Dựa vào Atlas trang 26, tỉnh nào sau đây không nằm trong vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Vĩnh Phúc. B. Bắc Ninh. C. Hải Dương. D. Bắc Giang.

Câu 43. (0.25 điểm) Dựa vào Atlas trang 28, tỉnh nào là ngã 3 biên giới giữa Việt Nam - Lào - Campuchia:

- A. Đắk Nông. B. Gia Lai. C. Đắk Lắk. D. Kon Tum.

Câu 44. (0.25 điểm) Dựa vào Atlas trang 26, cho biết tỉnh nào của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ duy nhất giáp biển

- A. Lạng Sơn. B. Cao Bằng. C. Hà Giang. D. Quảng Ninh.

Câu 45. (0.25 điểm) Tỉnh nào của vùng Tây Nguyên có diện tích trồng cây cà phê nhiều nhất?

- A. Gia Lai. B. Đắk Lắk. C. Kon Tum. D. Đắk Nông.

Câu 46. (0.25 điểm) Dựa vào Atlas trang 26, tỉnh nào của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ giáp với Trung Quốc và Lào?

- A. Lai Châu. B. Hà Giang. C. Điện Biên. D. Quảng Ninh.

Câu 47. (0.25 điểm) Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành được thể hiện rõ nhất ở vùng?

- A. Đông Nam Bộ. B. Tây Nguyên.
C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 48. (0.25 điểm) Tại sao Đồng bằng sông Hồng phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành?

- A. Để khai thác các thế mạnh về kinh tế - xã hội.
B. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm.
C. Nhằm khắc phục những hạn chế.
D. Để khai thác các thế mạnh về tự nhiên.

Câu 49. (0.25 điểm) Thành phố trực thuộc Trung Ương nằm trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. Cà Mau. B. Mỹ Tho. C. Tân An. D. Cần Thơ.

Câu 50. (0.25 điểm) Dựa vào Atlas trang 29, khu kinh tế cửa khẩu nào không nằm trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long

- A. Mộc Bài. B. An Giang. C. Đồng Tháp. D. Hà Tiên.

Câu 51. (0.25 điểm) Ý nghĩa của việc sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Phát triển kinh tế vùng cao.
- B. Tạo ra tập quán sản xuất mới cho đồng bào các dân tộc.
- C. Phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.
- D. Tạo việc làm cho người lao động.

Câu 52. (0.25 điểm) *Ngành kinh tế biển nào mà Trung du và miền núi Bắc Bộ không khai thác?*

- A. Du lịch biển - đảo.
- B. Khai thác khoáng sản biển.
- C. Giao thông vận tải biển.
- D. Đánh bắt hải sản.

Câu 53. (0.25 điểm) *Dựa vào Atlas trang 28, cửa ngõ ra biển của khu vực nam Lào, đông bắc Thái*

Lan thuộc vùng

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Tây Nguyên.

Câu 54. (0.25 điểm) *Cảng nước sâu đang xây dựng ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là*

- A. Nha Trang.
- B. Quy Nhơn.
- C. Đà Nẵng.
- D. Dung Quất.

Câu 55. (0.25 điểm) *Giải pháp nào sau đây không phải của vùng Tây Nguyên trong việc nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội để sản xuất cây công nghiệp:*

- A. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng.
- B. Đẩy mạnh khâu chế biến và khâu xuất khẩu các sản phẩm cây công nghiệp.
- C. Đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp.
- D. Hoàn thiện quy hoạch các vùng chuyên canh cây công nghiệp.

Câu 56. (0.25 điểm) *Dựa vào Atlas trang 30, tỉnh nào sau đây không nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc*

- A. Bắc Ninh.
- B. Hải Dương.
- C. Bắc Giang.
- D. Quảng Ninh.

Câu 57. (0.25 điểm) *Cát trắng là nguyên liệu quý để làm thủy tinh, pha lê tập trung nhiều ở các đảo thuộc tỉnh:*

- A. Quảng Trị.
- B. Hải Phòng.
- C. Bà Rịa - Vũng Tàu.
- D. Quảng Ninh.

Câu 58. (0.25 điểm) *Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:*

- A. Khoáng sản phân bố rải rác.
- B. Môi trường bị suy thoái.
- C. Địa hình dốc, giao thông khó khăn.
- D. Đòi hỏi phương tiện hiện đại và chi phí cao.

Câu 59. (0.25 điểm) *Tiềm năng thủy điện trong vùng Tây Nguyên không tập trung ở hệ thống sông:*

- A. Đồng Nai.
- B. Xêrêpóc.
- C. Ba.
- D. Xêxan.

Câu 60. (0.25 điểm) *Đây không phải là ý nghĩa của các công trình thủy lợi ở vùng Đông Nam Bộ?*

- A. tăng hệ số sử dụng đất trồng.
- B. đưa nền nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa.
- C. làm tăng diện tích đất trồng trọt.
- D. tăng khả năng đảm bảo lương thực, thực phẩm.

Câu 61. (0.25 điểm) *Thế mạnh nào sau đây không phải của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc?*

- A. vị trí thuận lợi cho giao lưu trong nước và quốc tế.

- B. nguồn lao động lớn, chất lượng vào loại hàng đầu của cả nước.
 C. có lịch sử khai thác lâu đời nhất nước ta.
 D. cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật rất tốt và đồng bộ.

Câu 62. (0.25 điểm) *Hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ không nhằm mục đích?*

- A. Phát huy thế mạnh sẵn có.
 B. Tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian.
 C. Hình thành cơ cấu công nghiệp.
 D. Góp phần tạo ra cơ cấu ngành.

Câu 63. (0.25 điểm) *Dựa vào Atlas trang 30, cho biết tỉnh nào của Đồng bằng sông Cửu Long nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?*

- A. Tiền Giang. B. An Giang. C. Hậu Giang. D. Kiên Giang.

Câu 64. (0.25 điểm) *Ngành kinh tế biển đã tác động mạnh đến sự phát triển của vùng Đông Nam Bộ?*

- A. du lịch biển. B. khai thác khoáng sản thềm lục địa.
 C. khai thác tài nguyên sinh vật biển. D. giao thông vận tải biển.

Câu 65. (0.25 điểm) *Dựa vào Atlas trang 28, khu kinh tế cửa khẩu của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là*

- A. Lệ Thanh. B. A Đốt. C. Bờ Y. D. Nam Giang.

Câu 66. (0.25 điểm) *Nhà máy nhiệt điện nào không nằm trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ*

- A. Phả Lại. B. Na Dương. C. Cẩm Phả. D. Uông Bí.

Câu 67. (0.25 điểm) *Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ sẽ hình thành cảng trung chuyển quốc tế lớn nhất nước ta ở vịnh?*

- A. Đà Nẵng. B. Vân Phong. C. Cam Ranh. D. Xuân Đài.

Câu 68. (0.25 điểm) *Tỉnh được coi là trọng điểm nghề cá của vùng Bắc Trung Bộ?*

- A. Hà Tĩnh. B. Quảng Bình. C. Nghệ An. D. Thanh Hóa.

Câu 69. (0.25 điểm) *Nghề làm muối ở nước ta phát triển mạnh nhất ở vùng:*

- A. Bắc Trung Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
 C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 70. (0.25 điểm) *Thế mạnh về dân cư và nguồn lao động ở Đồng bằng sông Hồng được thể hiện qua yếu tố nào dưới đây?*

- A. Dân số đông, nguồn lao động dồi dào và có kinh nghiệm trong sản xuất.
 B. Cơ cấu dân số trẻ và mật độ dân số cao nhất cả nước.
 C. Đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao nhất cả nước.
 D. Đông dân, lao động tập trung trong các đô thị lớn.

Câu 71. (0.25 điểm) *Loại hình giao thông vận tải nào ở vùng Bắc Trung Bộ được nâng cấp giúp phát triển kinh tế, văn hóa và tăng cường thu hút khách du lịch?*

- A. đường ô tô. B. đường hàng không. C. đường sắt. D. đường biển.

Câu 72. (0.25 điểm) *Tỉnh có diện tích trồng chè lớn nhất nước ta*

- A. Thái Nguyên B. Lâm Đồng. C. Hà Giang. D. Phú Thọ.

Câu 73. (0.25 điểm) Dựa vào Atlas trang 30, khu kinh tế ven biển nào của vùng Bắc Trung Bộ nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Nghi Sơn. B. Vũng Áng.
C. Đông nam Nghệ An. D. Chân Mây - Lăng Cô.

Câu 74. (0.25 điểm) Mỏ dầu khí lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Cái Nước. B. Đại Hùng. C. Rồng. D. Bạch Hổ.

Câu 75. (0.25 điểm) Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu là vấn đề đặt ra của vùng:

- A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ.
C. Duyên Hải Nam Trung Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 76. (0.25 điểm) Vùng có nền kinh tế hàng hóa sớm phát triển nhất so với các vùng khác trong cả nước là

- A. Tây Nguyên. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Bắc Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 77. (0.25 điểm) Nhà máy thủy điện nào không nằm trong vùng Đông Nam Bộ?

- A. Hàm Thuận - Đa Mi. B. Trị An.
C. Cần Đơn. D. Thác Mơ.

Câu 78. (0.25 điểm) Trong tình hình phát triển hiện nay của ngành thủy sản cần

- A. sử dụng các phương tiện đánh bắt có tính chất hủy diệt nguồn lợi.
B. Đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.
C. khai thác quá mức các đối tượng đánh bắt có giá trị kinh tế cao.
D. khai thác quá mức các nguồn lợi ven bờ.

Câu 79. (0.25 điểm) Phương hướng chủ yếu hiện nay để giải quyết vấn đề lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. trồng rừng để ngăn lũ. B. chủ động sống chung với lũ.
C. di dân tránh lũ. D. xây dựng hệ thống đê bao.

Câu 80. (0.25 điểm) Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đã tiến hành khai thác các mỏ dầu khí ở quần đảo?

- A. Côn Sơn. B. Hoàng Sa. C. Phú Quý. D. Trường Sa.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

Câu \ Mã đề	789
41	B
42	D
43	D
44	D
45	B
46	C
47	D

48	B
49	D
50	A
51	C
52	B
53	A
54	D
55	A
56	C
57	D
58	D
59	C
60	B
61	D
62	C
63	A
64	B
65	D
66	A
67	B
68	C
69	B
70	A
71	B
72	B
73	D
74	A
75	B
76	D

77	A
78	B
79	B
80	C

ĐỀ 10	ĐỀ THI HỌC KỲ 2 Môn Địa Lí 12 <i>Thời gian: 45 phút</i>
--------------	---

Câu 1: Biện pháp quan trọng hàng đầu trong phát triển nông nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. chuyển đổi cơ cấu cây trồng đa dạng hơn. B. phát triển mô hình kinh tế trang trại.
C. bảo vệ hệ thống rừng đầu nguồn và rừng ngập mặn. D. **giải quyết tốt vấn đề thủy lợi do mùa khô kéo dài.**

Câu 2: Để tiếp tục khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ, biện pháp quan trọng đầu tiên là

- A. **đáp ứng tốt cơ sở năng lượng cho vùng.** B. đầu tư phát triển công nghiệp khai thác dầu khí.
C. tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài. D. phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

Câu 3: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết khu vực tập trung đô thị mật độ cao?

- A. Đồng bằng sông Hồng; Đông Nam bộ; Trung du miền núi Bắc Bộ.
B. Đồng bằng sông Hồng; Duyên hải miền Trung; Tây Nguyên.
C. Đồng bằng sông Hồng; Duyên hải miền Trung, Đồng bằng sông Cửu Long.
D. **Đồng bằng sông Hồng; Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.**

Câu 4: Việc phát triển cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp sẽ góp phần tạo sự phát triển bền vững cho vùng Bắc Trung Bộ vì

- A. tạo bước ngoặt trong hình thành cơ cấu kinh tế của vùng.
B. góp phần hoàn thiện cơ cấu kinh tế chung của vùng.
C. **khai thác hiệu quả tài nguyên, môi trường và kinh tế - xã hội.**
D. nâng cao thu nhập cho nhân dân, phát triển cơ sở hạ tầng.

Câu 5: Vùng nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta hiện nay?

- A. **Đông Nam Bộ** B. Duyên hải Nam Trung Bộ
C. Đồng bằng Sông Hồng D. Đồng bằng Sông Cửu Long

Câu 6: Nước ta cần phải khai thác tổng hợp kinh tế biển vì

- A. **hoạt động kinh tế biển rất đa dạng.** B. nước ta giàu có về tài nguyên biển.
C. tài nguyên biển đang bị suy thoái nghiêm trọng. D. biển Đông là biển chung của nhiều quốc gia.

Câu 7: Tại sao vùng Tây Nguyên thuộc khí hậu cận xích đạo mà một số tỉnh vẫn trồng chè với năng suất cao?

- A. Do áp dụng khoa học kĩ thuật trong việc trồng và chăm sóc.
B. Do người dân có nhiều kinh nghiệm trong việc trồng và chăm sóc chè.
C. **Do khí hậu có sự phân hóa theo độ cao.**
D. Do cải tạo các giống chè phù hợp với khí hậu.

Câu 8: Thế mạnh đặc biệt trong việc phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là do

- A. **khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.** B. có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới.
C. nguồn nước tưới đảm bảo quanh năm. D. đất feralit trên đá phiến, đá vôi chiếm diện tích lớn.

Câu 9: Vùng Tây Nguyên có diện tích là 54 641 km², dân số năm 2014 là 5 525 800 người, mật độ dân số trung bình nhiều người/ km²?

- A. 101 người/km². B. 103 C. 110 người/km². D. 104 người/km².

Câu 10: Các sông lớn ở Tây Nguyên như Xexan, Xrepok có chung đặc điểm là

- A. ít có giá trị về thủy điện. B. là thượng nguồn của sông Đồng Nai.
C. chảy xuống duyên hải Nam Trung Bộ. D. **cùng chảy sang nước Campuchia.**

Câu 11: Trong những năm gần đây, quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh nhất là vùng
A. Tây Nguyên. B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Đồng bằng sông Hồng. D. **Đông Nam Bộ.**

Câu 12: Hiện nay, vùng kinh tế nào thu hút mạnh nhất đầu tư nước ngoài?

A. Đồng bằng Sông Hồng. B. **Đông Nam Bộ.**

C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 13: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về sức ép của dân số đông, mật độ cao đối với việc phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng?

1. gây khó khăn cho việc giải quyết việc làm, đặc biệt là khu vực thành thị.

2. bình quân diện tích đất nông nghiệp trên đầu người thấp.

3. Tạo sức ép trong việc khai thác các tài nguyên.

4. sản lượng bình quân đầu người của các sản phẩm không cao

A. 3 B. 1 C. 4 D. **2**

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, ở vùng Bắc Trung Bộ tỉnh có diện tích trồng lúa so với diện tích cây lương thực từ 60 - 70% là

A. Hà Tĩnh. B. Thanh Hóa. C. Quảng Bình D. **Nghe An**

Câu 15: Những tỉnh, thành của nước ta có hai huyện đảo là

A. Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Trị. B. Kiên Giang, Quảng Ngãi, Bình Thuận.

C. **Quảng Ninh, Hải Phòng, Kiên Giang.** D. Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa.

Câu 16: Vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất ở nước ta là

A. Tây Nguyên. B. **Trung du và miền núi Bắc Bộ.**

C. Bắc Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 17: Giải pháp quan trọng nhất để khắc phục tình trạng đất nhiễm phèn, mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. chọn các vùng đất không bị nhiễm phèn, mặn đưa vào sản xuất.

B. mở rộng diện tích trồng trọt, đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.

C. đắp đê để hạn chế ngập lụt vào mùa mưa, xâm nhập mặn vào mùa khô.

D. **phát triển thủy lợi kết hợp với lựa chọn cơ cấu cây trồng thích hợp.**

Câu 18: Xu hướng chung của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo chiều hướng tích cực ở Đồng bằng sông Hồng là:

A. **giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III**

B. giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II, Giảm tỉ trọng khu vực III.

C. tăng tỉ trọng khu vực I, Giảm tỉ trọng khu vực II và III.

D. tăng tỉ trọng khu vực I và II, Giảm tỉ trọng khu vực III.

Câu 19: Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (Đơn vị %)

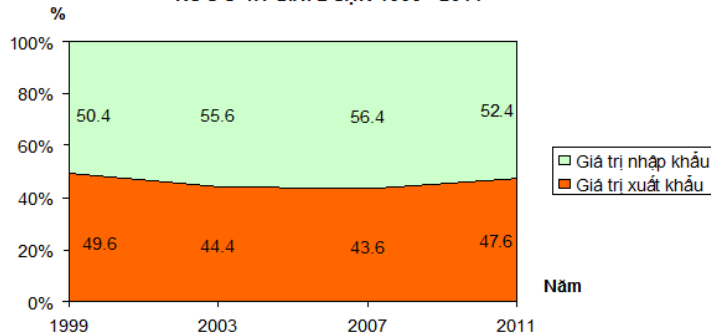
Năm	1990	1995	2000	2010
Nông- Lâm- Ngư	45,6	32,6	29,1	12,6
Công nghiệp- xây dựng	22,7	25,4	27,5	43,8
Dịch vụ	31,7	42,0	43,4	43,6

Chọn dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng từ 1990- 2010.

A. **Biểu đồ miền.** B. Biểu đồ đường. C. Biểu đồ cột chồng. D. Biểu đồ tròn.

Câu 20: Cho biểu đồ

BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1999 - 2011



Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 1999-2011?

A. **Tỷ trọng giá trị xuất khẩu giảm đều, tỷ trọng giá trị nhập khẩu tăng.**

- B. Tỷ trọng xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu, cơ bản là nhập siêu.
 C. Tỷ trọng nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu, cơ bản là xuất siêu.
 D. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu giảm, nhập khẩu tăng nhưng không đều.

Câu 21: Nhà máy nhiệt điện có công suất lớn nhất hiện nay là

- A. Hòa Bình B. Phả Lại C. Hiệp Phước D. Phú Mỹ

Câu 22: Giải pháp nào sau đây không phù hợp với việc cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Khai thác rừng ngập mặn nuôi thủy sản B. Đẩy mạnh khai thác các nguồn lợi từ lũ.
 C. Lai tạo giống lúa chịu phèn, chịu mặn. D. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

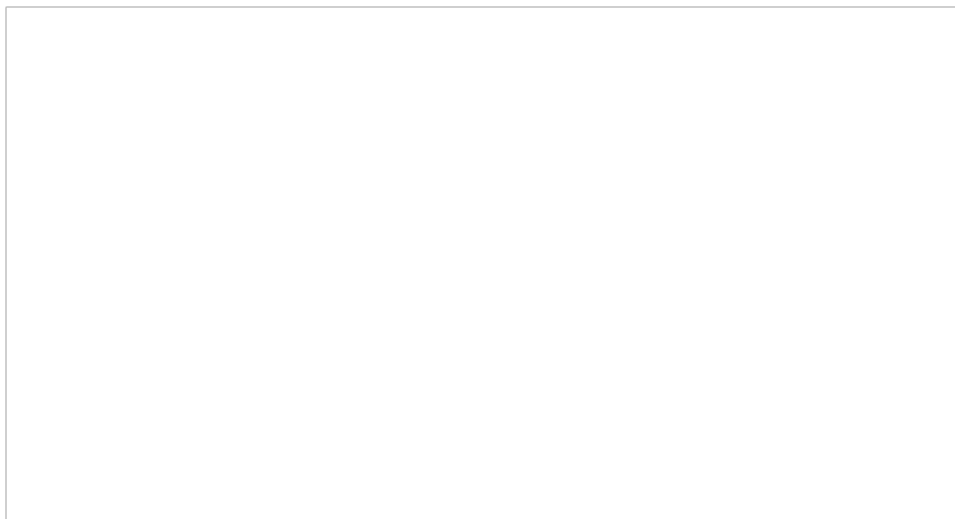
Câu 23: Yếu tố chính tạo ra sự khác biệt trong cơ cấu sản phẩm nông nghiệp giữa Trung du miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên là

- A. truyền thống sản xuất của dân cư. B. trình độ thâm canh
 C. điều kiện về đất đai, khí hậu D. điều kiện về địa hình

Câu 24: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết cảng biển nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Hải Phòng. B. Cam Ranh. C. Vũng Tàu. D. Cửa Lò.

Câu 25: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung gì?

- A. Sự chuyển dịch cơ cấu GDP theo khu vực kinh tế giai đoạn 2000 - 2010.
 B. Tốc độ tăng trưởng GDP của các khu vực kinh tế giai đoạn 2000 - 2010.
 C. GDP bình quân đầu người phân theo khu vực kinh tế giai đoạn 2000-2010
 D. Tình hình phát triển GDP theo các khu vực kinh tế giai đoạn 2000 - 2010.

Câu 26: Khu vực miền núi và trung du nước ta giàu khoáng sản nhưng công nghiệp kém phát triển do nguyên nhân chính nào dưới đây?

- A. Lực lượng lao động. B. Giao thông vận tải. C. Trình độ quản lý. D. Thị trường rộng lớn.

Câu 27: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	Cao su	Chè	Cà phê
2000	412,0	87,7	561,9
2005	482,7	122,5	497,4
2009	677,7	127,1	538,5
2010	748,7	129,9	554,8
2014	978,9	132,6	641,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2014, Nhà xuất bản thống kê, 2015)

Theo bảng trên hãy cho biết nhận xét nào sau đây phù hợp với diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta?

- A. diện tích cây cà phê tăng nhanh nhất. B. diện tích cây cao su tăng nhanh nhất.
 C. diện tích các loại cây đều giảm. D. diện tích cây chè tăng nhanh nhất.

Câu 28: Vùng có diện tích chè lớn nhất nước ta là

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Tây Nguyên.
 C. Bắc Trung Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 29: Huyện đảo Côn Đảo trực thuộc tỉnh nào của nước ta?

- A. Bà Rịa-Vũng Tàu. B. Bình Thuận. C. Cà Mau. D. Bến Tre.

Câu 30: Khó khăn đối với việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc

sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ không bao gồm:

A. hiện tượng rét đậm, rét hại, sương muối.

B. kinh nghiệm trồng và chế biến của người dân.

C. tình trạng thiếu nước về mùa đông.

D. mạng lưới cơ sở chế biến nông sản.

Câu 31: Chiến lược phát triển ngành thủy sản của nước ta hiện nay là đẩy mạnh đánh bắt xa bờ nhằm mục đích

A. tạo thể mở cửa, hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới trong thời đại mới.

B. đẩy mạnh phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ngày càng có hiệu quả cao hơn.

C. khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản, bảo vệ vùng biển và vùng thềm lục địa của nước ta.

D. đánh bắt các đối tượng có giá trị kinh tế cao, giảm thiểu ô nhiễm môi trường vùng biển.

Câu 32: Trong các vùng sau, vùng nào có mật độ dân số thấp nhất?

A. Đồng bằng sông Cửu Long

B. Duyên hải Nam Trung Bộ

C. Tây Nguyên.

D. Đông Nam Bộ

Câu 33: Căn cứ vào bản đồ thủy sản, Atlas ĐLVN trang 20, hai tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng cao nhất cả nước năm 2007 là

A. Kiên Giang, An Giang.

B. Trà Vinh, Sóc Trăng.

C. Đồng Tháp, Cần Thơ.

D. Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận.

Câu 34: Vùng nào sau đây ở nước ta có nền kinh tế hàng hóa phát triển sớm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh hơn so với các vùng khác?

A. Bắc Trung Bộ.

B. Đông Nam Bộ.

C. Đồng bằng sông Hồng.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 35: Điểm tương đồng về điều kiện sinh thái nông nghiệp giữa Tây Nguyên và Đông Nam Bộ là

A. đất khác và núi đá chiếm diện tích khá lớn.

B. đất bazan có diện tích khá lớn.

C. thiếu nước nghiêm trọng từ tháng V đến tháng X hàng năm.

D. khí hậu phân hóa rõ rệt theo độ cao.

Câu 36: Số lượng trâu bò của cả nước, Trung Du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên năm 2013

(Đơn vị: nghìn con)

	Cả nước	Trung Du và miền núi Bắc Bộ	Tây Nguyên
Trâu	2559,5	1470,7	92,0
Bò	5156,7	914,2	662,8

Tỉ trọng đàn trâu, đàn bò của Trung Du và miền núi Bắc Bộ trong tổng đàn trâu, bò của cả nước là

A. 56,5; 20,1%.

B. 48,5; 21,3%.

C. 70,8; 25,6%.

D. 57,5; 17,7%.

Câu 37: Dựa vào bảng số liệu sau:

Lao động đang làm việc nước ta phân theo ngành năm 2000 và 2013

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Nông - lâm - thủy sản	Công nghiệp - xây dựng	Dịch vụ
2000	37075	24136	4857	8082
2013	52208	24399	11086	16723

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, năm 2015)

Đề vẽ biểu đồ tròn thể hiện quy mô và cơ cấu lao động đang làm việc phân theo ngành kinh tế qua hai năm trên thì bán kính của hai đường tròn sẽ là

A. $R_{2013} = R_{2000} \times 1,5$ (đơn vị bán kính)

B. $R_{2013} = R_{2000} \times 1,3$ (đơn vị bán kính)

C. $R_{2013} = R_{2000} \times 1,4$ (đơn vị bán kính)

D. $R_{2013} = R_{2000} \times 1,2$ (đơn vị bán kính)

Câu 38: Nguồn than khai thác ở Trung du miền núi Bắc Bộ phục vụ chủ yếu cho

A. các nhà máy nhiệt điện và xuất khẩu.

B. các nhà máy luyện kim đen trong vùng.

C. sinh hoạt.

D. xuất khẩu.

Câu 39: Khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng hợp lý đất đai ở Đồng bằng Sông Cửu Long là

A. diện tích đất chưa sử dụng còn nhiều.

B. diện tích đất nhiễm phèn, nhiễm mặn lớn.

C. thiếu nước ngọt vào mùa khô.

D. diện tích rừng ngập mặn bị suy giảm.

Câu 40: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên?

1. hoàn thiện quy hoạch các vùng chuyên canh cây công nghiệp.

2. mở rộng diện tích có kế hoạch, đi đôi với bảo vệ rừng và phát triển thủy lợi.

3. đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp.

4. đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp và đẩy mạnh xuất khẩu.

A. 2

B. 4

C. 1

D. 3

----- Hết -----

